VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Quyết định số 1711/QĐ-TTg, ngày 31 tháng 12 năm 2024 phê duyệt Quy hoạch Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

(Tiếp theo Công báo số 145 + 146)

Phụ lục VII
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CẢNG THỦY NỘI ĐỊA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1711/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên cảng	Cỡ tàu tiếp nhận	Tên tuyến TNĐ	Địa điểm
A	**Cảng hàng hóa**			
1	**Cụm cảng trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh**	**1.000-5.000 tấn**		
1.1	Cảng TRANSIMEX		Sông Sài Gòn	Di dời về cảng ICD Long Bình theo Công văn số 211/TTg-KTN ngày 03/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ
1.2	Cảng Phúc Long		Sông Sài Gòn	
1.3	Cảng Trường Thọ		Sông Sài Gòn	
1.4	Cảng ICD Tây Nam TANAMEXCO		Sông Sài Gòn	
1.5	Cảng kho vận Miền Nam		Sông Sài Gòn	
1.6	Cảng Nhiệt điện Thủ Đức		Sông Sài Gòn	
1.7	Cảng Khu công nghệ cao		Rạch Trau Trảu, Ông Nhiêu	

STT	Tên cảng	Cỡ tàu tiếp nhận	Tên tuyến TNĐ	Địa điểm
1.8	Các cảng khác		Sông Sài Gòn và một số tuyến khác	
2	**Khu cảng Bắc Thành phố Hồ Chí Minh**	**2.000-3.000 tấn**		
2.1	Cảng Củ Chi		Sông Sài Gòn	Huyện Củ Chi
2.2	Cảng Quốc tế ITC		Rạch Ông Nhiêu	Thành phố Thủ Đức
2.3	Các cảng khác		Sông Sài Gòn, sông Đồng Nai và một số tuyến khác	
3	**Khu cảng Tây Nam Thành phố Hồ Chí Minh**	**2.000-3.000 tấn**		
3.1	Cảng Phú Định		Sông Chợ Đệm - Bến Lức	Quận 8
3.2	Cảng 42 Tôn Thất Thuyết		Kênh Tẻ	Quận 4
3.3	Cảng Hưng Điền		Sông Chợ Đệm - Bến Lức	Huyện Bình Chánh
3.4	Cảng hàng hóa Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Bình Điền		Sông Chợ Đệm - Bến Lức	Quận 8
3.5	Các cảng khác		Sông Chợ Đệm - Bến Lức, kênh Tẻ - Đôi và một số tuyến khác	

STT	Tên cảng	Cỡ tàu tiếp nhận	Tên tuyến TNĐ	Địa điểm
4	**Khu cảng Đông Thành phố Hồ Chí Minh**	**3.000-7.000 tấn**		
4.1	Cảng Long Bình		Sông Đồng Nai	Thành phố Thủ Đức
4.2	Cảng Termial Cát Lái Giang Nam		Rạch Bà Cua	Thành phố Thủ Đức
4.3	Cảng ICD Long Bình		Sông Đồng Nai	Thành phố Thủ Đức
4.4	Cảng ICD Mũi Đèn Đỏ		Sông Đồng Nai	Thành phố Thủ Đức
4.5	Cảng hành khách - hàng hóa Tắc Suất		Sông Dinh Bà 2	Huyện Cần Giờ
4.6	Các cảng khác		Sông Sài Gòn, sông Đồng Nai và một số tuyến khác	
B	**Cảng hành khách**			
1	Cảng thủy nội địa (Bến Đình - Củ Chi)	250-500 ghế	Sông Sài Gòn	Huyện Củ Chi
2	Cầu tàu L, K, H (Thiên Niên Kỷ)	250-500 ghế	Sông Sài Gòn	Quận 1
3	Cảng thủy nội địa hành khách khu công viên bến Bạch Đằng (vị trí nằm ở cuối đường Hàm Nghi và Nguyễn Huệ)	250-500 ghế	Sông Sài Gòn	Quận 1

STT	Tên cảng	Cỡ tàu tiếp nhận	Tên tuyến TNĐ	Địa điểm
4	Cảng thủy nội địa hành khách khu công viên bến Bạch Đằng (vị trí gần Quảng trường Mê Linh tịnh tiến lên phía thượng lưu sông Sài Gòn khoảng 100m)	1.000 ghế	Sông Sài Gòn	Quận 1
5	Cảng thủy nội địa hành khách khu công viên bến Bạch Đằng (vị trí gần cầu Ba Son tịnh tiến lên phía thượng lưu sông Sài Gòn khoảng 250m)	250-500 ghế	Sông Sài Gòn	Quận 1
6	Cảng Nhà Rồng - Khánh Hội (Bảo tàng Hồ Chí Minh) (Cảng biển hiện hữu)	1.000 ghế	Sông Sài Gòn	Quận 4
7	Cảng Nhà Rồng - Khánh Hội (phía hạ lưu) (Cảng biển hiện hữu)	1.000 ghế	Sông Sài Gòn	Quận 4
8	Cảng thủy nội địa (Khu công viên Mũi Đèn Đỏ)	250-500 ghế	Sông Sài Gòn	Quận 7
9	Cảng tàu du lịch dự án 28ha (Khu chế xuất Tân Thuận)	250-500 ghế	Sông Sài Gòn	Quận 7
10	Khu du lịch Bình Quới II	250-500 ghế	sông Sài Gòn	Quận Bình Thạnh
11	Cảng Than	250-500 ghế	sông Sài Gòn	Quận Bình Thạnh

STT	Tên cảng	Cỡ tàu tiếp nhận	Tên tuyến TNĐ	Địa điểm
12	Cảng Trung tâm hành chính thành phố Thủ Đức	250-500 ghế	sông Sài Gòn	Thành phố Thủ Đức
13	Thành phố Xanh	250-500 ghế	sông Đồng Nai	Thành phố Thủ Đức
14	Cảng Hưng Điền	250-500 ghế	sông Chợ Đệm - Bến Lức	Huyện Bình Chánh
15	Cảng 42 Tôn Thất Thuyết	250-500 ghế	kênh Tẻ	Quận 4
16	Cảng hành khách Khu đô thị du lịch lấn biển Cần Giờ	1.000 ghế		Huyện Cần Giờ
17	Các cảng khác	250-500 ghế	Sông Sài Gòn, Đồng Nai, Chợ Đệm - Bến Lức, Kênh Tẻ, Soài Rạp, Lòng Tàu, Nhà Bè, Sông Tắc, rạch Chiếc, rạch Trau Trảu,...	Các quận, huyện, thành phố

Ghi chú: *quy mô, công suất và vị trí các cảng thủy nội địa được xác định cụ thể trong quá trình lập dự án đầu tư theo quy định.*

Phụ lục VIII

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CẢNG BIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1711/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên cảng	Cỡ tàu tiếp nhận	Phạm vi quy hoạch	Chức năng	Địa điểm
A	**Cảng hàng hóa**				
1	Khu bến Cát Lái - Phú Hữu	Trọng tải 30.000 tấn đến 45.000 tấn giảm tải phù hợp với điều kiện khai thác của các tuyến luồng hàng hải và tĩnh không thông thuyền của công trình vượt sông	Vùng đất và vùng nước trên sông Đồng Nai, đoạn từ ngã ba rạch Ông Nhiêu đến thượng lưu ngã ba mũi Đèn Đỏ	Phục vụ phát triển kinh tế - xã hội khu vực phía Nam, liên vùng, cả nước và trung chuyển hàng quốc tế; có bến container, tổng hợp, hàng rời, hàng lỏng; khai thác với quy mô hiện hữu, không mở rộng, nâng cấp	Thành phố Thủ Đức
2	Khu bến Hiệp Phước	Trọng tải đến 70.000 tấn hoặc lớn hơn khi đủ điều kiện, phù hợp với điều kiện khai thác của tuyến luồng hàng hải	Vùng đất và vùng nước trên sông Soài Rạp, đoạn từ hạ lưu cầu Bình Khánh đến thượng lưu kênh Lộ (giáp tỉnh Long An)	Phục vụ phát triển kinh tế - xã hội khu vực phía Nam (phục vụ di dời các bến cảng trên sông Sài Gòn); có bến tổng hợp, container, hàng rời, hàng lỏng/khí	Huyện Nhà Bè
3	Khu bến trên sông Sài Gòn	Trọng tải đến 30.000 tấn hoặc lớn hơn giảm tải phù hợp với	Vùng đất và vùng nước trên sông Sài Gòn, đoạn từ	Phục vụ phát triển kinh tế - xã hội Thành phố Hồ Chí Minh và vùng phụ	Quận 1, Quận 4, Quận 7

STT	Tên cảng	Cỡ tàu tiếp nhận	Phạm vi quy hoạch	Chức năng	Địa điểm
		điều kiện khai thác của luồng hàng hải và tĩnh không thông thuyền công trình vượt sông	hầm Thủ Thiêm đến Mũi Đèn Đỏ	cận; có bến tổng hợp, container, bến khách, hàng lỏng; thực hiện di dời, chuyển đổi công năng phù hợp với quy hoạch sử dụng đất và phát triển không gian đô thị của Thành phố Hồ Chí Minh	
4	Khu bến Nhà Bè	Trọng tải đến 45.000 tấn hoặc lớn hơn giảm tải, tàu khách đến 60.000 GT phù hợp với điều kiện khai thác của luồng hàng hải và tĩnh không thông thuyền công trình vượt sông	Vùng đất và vùng nước trên sông Nhà Bè, đoạn từ mũi Đèn Đỏ đến ngã ba Bình Khánh	Phục vụ phát triển kinh tế - xã hội khu vực phía Nam; có bến hàng lỏng, bến khách	Quận 7, huyện Nhà Bè
5	Khu bến Long Bình	Trọng tải đến 5.000 tấn	Vùng đất và vùng nước trên sông Đồng Nai (Long Bình, thành phố Thủ Đức)	Khu bến vệ tinh, đầu mối gom hàng cho các cảng biển trong khu vực gắn liền với chức năng cảng cạn; có bến container, tổng hợp	Thành phố Thủ Đức
6	Khu bến cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ	Trọng tải đến 24.000 TEU (250.000 tấn)	Vùng đất và vùng nước tại cửa sông Cái	Trung chuyển container quốc tế, phát triển phù hợp	Huyện Cần Giờ

STT	Tên cảng	Cỡ tàu tiếp nhận	Phạm vi quy hoạch	Chức năng	Địa điểm
		hoặc lớn hơn khi đủ điều kiện	Mép (bên trái luồng Vũng Tàu - Thị Vải)	với khả năng thu hút nguồn hàng trung chuyển container quốc tế, kết hợp với khu bến Cái Mép để hình thành cụm cảng trung chuyển quốc tế có quy mô lớn tại cửa sông Cái Mép phục vụ trung chuyển hàng hóa cho các cảng biển trong cả nước và các nước trong khu vực	
7	Các bến cảng tiềm năng tại huyện Cần Giờ	Trọng tải đến 150.000 tấn hoặc lớn hơn khi đủ điều kiện, tàu khách 225.000 GT	Vùng đất và vùng nước bên trái luồng Sài Gòn - Vũng Tàu, khu vực Bình Khánh, cửa sông Ngã Bảy, cửa sông Cái Mép và khu vực Cù Lao Gò Gia phù hợp với các quy định bảo tồn vùng dự trữ sinh quyển quốc gia	Tiềm năng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội Thành phố Hồ Chí Minh, vùng phụ cận; có bến tổng hợp, container, hàng rời, bến khách quốc tế được phát triển đồng bộ với hạ tầng giao thông kết nối cảng	Huyện Cần Giờ

STT	Tên cảng	Cỡ tàu tiếp nhận	Phạm vi quy hoạch	Chức năng	Địa điểm
B	**Cảng hành khách**				
1	Cảng hành khách quốc tế Nhà Rồng - Khánh Hội	30.000 GT (2.000 HK)	Sông Sài Gòn		Quận 4
2	Cảng hành khách quốc tế Phú Thuận	60.000 GT	Sông Soài Rạp		Quận 7
3	Cảng hành khách quốc tế Cần Giờ	225.000 GT	Cửa sông Ngã Bảy		Huyện Cần Giờ

Ghi chú: *quy mô, công suất và vị trí các cảng biển được xác định cụ thể trong quá trình lập dự án đầu tư. Đồng thời, căn cứ nhu cầu thực tế để nghiên cứu phát triển thêm các cảng hành khách quốc tế khác phù hợp với định hướng của các quy hoạch liên quan.*

Phụ lục IX

DANH MỤC TRUNG TÂM LOGISTICS THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1711/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên dự án	Địa điểm	Diện tích dự kiến (ha)
1	Trung tâm logistics Cát Lái	Thành phố Thủ Đức	60-100
2	Trung tâm logistics Long Bình	Thành phố Thủ Đức	50
3	Trung tâm logistics Linh Trung	Thành phố Thủ Đức	40-50
4	Cảng cạn - trung tâm logistics Khu công nghệ cao	Thành phố Thủ Đức	5-6
5	Trung tâm logistics Tân Kiên	Huyện Bình Chánh	60
6	Trung tâm logistics Hiệp Phước	Huyện Nhà Bè	100
7	Trung tâm logistics Củ Chi	Huyện Củ Chi	10-15
8	Trung tâm logistics Hóc Môn	Huyện Hóc Môn	150
9	Trung tâm logistics Bình Khánh	Huyện Cần Giờ	10
10	Trung tâm logistics vận tải hàng không tại Tân Sơn Nhất	Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất	5-10

Ghi chú: *quy mô, năng lực thông qua và vị trí các trung tâm logistics trong danh mục trên được xác định cụ thể trong quá trình lập dự án đầu tư theo quy định.*

Phụ lục X

DANH MỤC ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN ĐIỆN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1711/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên dự án nguồn điện	Công suất (MW)	Ghi chú
I	**Dự án nguồn điện đã được phê duyệt trong Quy hoạch, Kế hoạch phát triển điện lực quốc gia**		
1	Nhà máy điện LNG Hiệp Phước giai đoạn 1	1200	Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023 về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050
2	Nhà máy điện LNG Hiệp Phước giai đoạn 2		Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023 về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050
3	Điện mặt trời mái nhà tự sản tự tiêu	73	Quyết định số 262/QĐ-TTg ngày 01/4/2024 về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050
4	Các dự án nhà máy đốt chất thải rắn (rác) phát điện tại Khu liên hợp xử lý chất thải Tây Bắc, huyện Củ Chi	123	Quyết định số 262/QĐ-TTg ngày 01/4/2024 về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050

TT	Tên dự án nguồn điện	Công suất (MW)	Ghi chú
II	**Dự án nguồn điện tiềm năng**		
1	Nhà máy điện gió ngoài khơi Cần Giờ 1 - Giai đoạn 1 - Giai đoạn 2	1000 1000	
2	Nhà máy điện gió ngoài khơi Cần Giờ 2 - Giai đoạn 1 - Giai đoạn 2	3000 3000	
3	Các dự án nhà máy đốt rác phát điện tại Khu liên hợp xử lý chất thải Tây Bắc, huyện Củ Chi	126	

Ghi chú: *đối với các dự án chưa có trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn tới năm 2050 và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch: Ủy ban nhân Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp Bộ Công Thương và các cơ quan có liên quan rà soát, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, bổ sung vào Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch trước khi thực hiện các thủ tục đầu tư và triển khai thực hiện dự án theo quy định.*

Phụ lục XI

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG DÂY ĐIỆN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1711/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên đường dây điện	Tiết diện (mm^2)	Quy mô		Ghi chú
			Số mạch	Chiều dài dự kiến (km)	
I	**Đường dây 500kV giai đoạn 2021 - 2030**				
1	Xây dựng mới Củ Chi - Rẽ Chơn Thành - Đức Hòa		2	16	
2	Nâng khả năng tải đường dây 500kV Phú Mỹ - Nhà Bè và Phú Mỹ - Nhà máy điện Nhơn Trạch - Nhà Bè		2	43	
3	Nâng khả năng tải đường dây 500kV Đức Hòa - Cầu Bông		2	24	
II	**Đường dây 220kV giai đoạn 2021 - 2030**				
1	Xây dựng mới Cát Lái - Tân Cảng		2	15	
2	Xây dựng mới Bình Chánh 1- Cầu Bông		2	13	
3	Xây dựng mới Thuận An - Tân Sơn Nhất		2	15	

TT	Tên đường dây điện	Tiết diện (mm^2)	Quy mô		Ghi chú
			Số mạch	Chiều dài dự kiến (km)	
4	Xây dựng mới Tân Sơn Nhất - Rẽ Hóc Môn - Thủ Đức		2	9	
5	Xây dựng mới Phú Lâm - Đầm Sen		2	6	
6	Xây dựng mới Đầm Sen - Bà Quẹo - Tân Sơn Nhất		2	10	
7	Xây dựng mới 500kV Long Thành - Công Nghệ Cao		2	25	
8	Xây dựng mới 500kV Củ Chi - Rẽ Củ Chi - Trảng Bàng		4	1	
9	Xây dựng mới 500kV Củ Chi - Rẽ Củ Chi - Tân Định		2	1	
10	Xây dựng mới Thủ Thiêm - Rẽ Cát Lái - Tân Cảng		4	1	
11	Xây dựng mới Tao Đàn - Tân Cảng		2	7	
12	Xây dựng mới Quận 7 - Nhà Bè và mở rộng ngăn lộ 220kV tại trạm 500kV Nhà Bè		2	6	

TT	Tên đường dây điện	Tiết diện (mm^2)	Quy mô		Ghi chú
			Số mạch	Chiều dài dự kiến (km)	
13	Xây dựng mới thành phố Thủ Đức (Quận 9 cũ) - Rẽ Long Thành - CN Cao		4	5	
14	Xây dựng mới LNG Hiệp Phước giai đoạn 1 - Rẽ Phú Mỹ - Cần Đước		4	3	
15	Nâng khả năng tải Phú Mỹ - Cần Đước		2	57	
16	Xây dựng mới Nam Hiệp Phước giai đoạn 1 - Rẽ Phú Mỹ - Cần Đước		4	2	
17	Xây dựng mới Tây Bắc Củ Chi - Củ Chi 500kV		2	12	
18	Xây dựng mới Bình Chánh 1 - Đức Hòa		2	10	
19	Xây dựng mới Phú Hòa Đông - Rẽ Củ Chi - Cầu Bông		4	5	
20	Xây dựng mới Bình Chánh 2 - Rẽ Đức Hòa - Phú Lâm		4	2	
21	Nâng khả năng tải Cầu Bông - Củ Chi		2	22	
22	Nâng khả năng tải Cầu Bông - Bình Tân - Phú Lâm		2	34	

TT	Tên đường dây điện	Tiết diện (mm^2)	Quy mô		Ghi chú
			Số mạch	Chiều dài dự kiến (km)	
23	Cải tạo và nâng khả năng tải "Đường dây 220kV Nhà Bè - An Nghĩa - Cần Giờ"		2	35	
24	Đường dây 220kV đấu nối Trạm biến áp GIS 220KV Cần Giờ (*)				
III	**Đường dây 110kV**				
1	**Giai đoạn 2021 - 2025**				
a	**Xây dựng mới**				
1	Trạm 220kV Cầu Bông - Tân Phú Trung	ACSR400; XLPE1200	2	5,1	
2	Nhánh rẽ trạm 110kV Phong Phú	ACSR400	2	1	
3	Nhánh rẽ trạm 110kV Ga Sài Gòn	XLPE1200	2	0,5	
4	Nhánh rẽ đấu nối trạm 220kV Bình Chánh 1	ACSR400	4	1	
5	Trạm 220kV Tân Sơn Nhất - Gò Vấp 3	XLPE1200	2	5	
6	Trạm 220kV Củ Chi - Phước Hiệp	ACSR400	2	8	

TT	Tên đường dây điện	Tiết diện (mm^2)	Quy mô		Ghi chú
			Số mạch	Chiều dài dự kiến (km)	
7	Hiệp Bình Phước - Metro Hiệp Bình Phước	XLPE1200	2	2	
8	Trạm 220kV Quận 7 - Tân Thuận	XLPE1200	2	2,5	
9	Đấu nối trạm 110kV KCN Đông Nam	ACSR400	2	2,6	
10	Trạm 220kV Thủ Thiêm đi trạm 110kV Thủ Thiêm 1	XLPE1200	2	2,9	
11	Trạm 220kV Thủ Thiêm - trạm 110kV Thủ Thiêm 3	XLPE1200	2	1	
12	Trạm 220kV Tân Sơn Nhất - trạm 110kV Xuân Hồng	Cáp XLPE1200	2	4,3	
13	Trạm 110kV Hóc Môn 3 chuyển tiếp trên 2 mạch đường dây 110kV Hóc Môn - Bình Tân	XLPE1200	4	0,2	
14	Trạm 110kV Thị Nghè - trạm 110kV Ba Son	XLPE1200	2	0,5	
15	Trạm 2200kV Bà Quẹo - trạm 110kV Xuân Hồng	XLPE1200	2	2,6	
16	Trạm 220kV Bình Tân - T2 (rẽ đi trạm 110kV Tân Bình 1)	XLPE1200	2	1,5	

TT	Tên đường dây điện	Tiết diện (mm^2)	Quy mô		Ghi chú
			Số mạch	Chiều dài dự kiến (km)	
b	**Cải tạo**				
1	Nhánh rẽ 110kV trạm Intel	XLPE1200	2	0,8	
2	Cáp ngầm Tao Đàn - Đa Kao	XLPE1200	2	1,8	
3	Cáp ngầm Tao Đàn - Thị Nghè	XLPE1200	2	2,3	
4	Nhánh rẽ 110kV Nam Sài Gòn 2	ACCC240	2	5,3	
5	Hỏa Xa - Xa Lộ	XLPE1200	1	3,8	
6	Phú Định - Chợ Lớn	XLPE1200	1	3,8	
7	Chợ Lớn - Hùng Vương	XLPE1200	1	3,4	
8	Đường dây Hóc Môn Gò Vấp 1	ACCC240	2	3	
9	Trạm 220kV Nhà Bè - Hiệp Phước	ACSR400	2	7,24	
10	Hiệp Phước - Tân Thuận	ACSR400	2	12,2	
11	Phú Mỹ Hưng - Tân Thuận	ACSR400	2	1,9	
12	Trạm 220kV Nhà Bè - Bình Chánh	ACSR400	2	6,93	
13	Trạm 110kV Bình Chánh - trạm 110kV Nam Sài Gòn 2	ACSR400 hoặc tương đương	1	5,3	

TT	Tên đường dây điện	Tiết diện (mm^2)	Quy mô		Ghi chú
			Số mạch	Chiều dài dự kiến (km)	
14	Trạm 110kV Trảng Bàng - Củ Chi	2xACSR400	1	3,739	
15	Bình Chánh - Phú Định (T15 - Phú Định)	XLPE1200	2	1,8	
16	Quận 8 - Phú Định	XLPE1200	1	2,5	
17	Hóc Môn - Tân Quy (đoạn 2)	ACSR400	2	1,55	
18	Phú Hoà Đông - Tân Quy	ACSR400	2	4,75	
19	Tân Định - Gò Đậu	ACSR400	2	6,8	
20	Cải tạo và nâng khả năng tải đường dây 110kV Nhà Bè - An Nghĩa - Cần Giờ”	ACSR400	2	35	
2	**Giai đoạn 2026-2030**				
a	**Xây dựng mới**				
1	CV23/9 - Cảng Nhà Rồng (Khánh Hội)	XLPE1200	2	2	
2	Nhánh rẽ trạm 110kV Công viên Phú Lâm	XLPE1200	2	0,5	
3	Nhánh rẽ trạm 110kV Phong Phú	ACSR400	2	1	

TT	Tên đường dây điện	Tiết diện (mm^2)	Quy mô		Ghi chú
			Số mạch	Chiều dài dự kiến (km)	
4	Nhánh rẽ trạm 110kV Lê Minh Xuân 2	XLPE1200	2	0,2	
5	Nhánh rẽ trạm 110kV Lê Minh Xuân 3	XLPE1200	2	0,2	
6	Nhánh rẽ trạm 110kV Metro Tao Đàn	XLPE1200	2	1,5	
7	Nhánh rẽ trạm 110kV Sinh Việt	ACSR400	2	1	
8	Nhánh rẽ trạm 110kV Bình Quới	XLPE1200	2	2	
9	Nhánh rẽ trạm 110kV CV Lê Văn Tám	XLPE1200	2	0,5	
10	Quận 7 - Cảng Nhà Rồng (Khánh Hội)	XLPE1200	2	3	
11	Nhánh rẽ trạm 110kV Depot Thạnh Xuân	ACSR400	2	1,5	
12	Trạm 220kV Bình Chánh - Depot Đa Phước	ACSR400	2	5	
13	Thủ Thiêm 2 - Thủ Thiêm 3	XLPE1200	2	2	
14	Tân Chánh Hiệp (An Phú Đông) - Thạnh Lộc 2	XLPE1200	2	1,5	
15	Nhánh rẽ trạm 110kV Phước Kiển	ACSR400	2	1	

TT	Tên đường dây điện	Tiết diện (mm^2)	Quy mô		Ghi chú
			Số mạch	Chiều dài dự kiến (km)	
16	Trạm 110kV Thủ Thiêm 1 đi trạm 110kV Thủ Thiêm 2	XLPE1200	1	2,5	
17	Trạm 220kV Thủ Thiêm - trạm 110kV Thủ Thiêm 2	XLPE1200	1	4,3	
18	Đấu nối trạm 110kV KĐT GS chuyển tiếp trên 2 mạch đường dây 110kV Nhà Bè - Bình Chánh	XLPE1200	4	1,1	
19	Xuất tuyến 110kV trạm 220kV Phú Hòa Đông	ACSR400	6	0,5	
20	Đấu nối trạm 110kV CNC 1	XLPE1200	2	1	
21	Đấu nối trạm 110kV CNC 3	XLPE1200	2	1	
22	Đấu nối trạm 110kV VinCity	XLPE1200	2	0,5	
23	Đấu nối trạm 110kV ĐT Tây Bắc 1	XLPE1200	2	1	
24	Đấu nối trạm 110kV ĐT Đại học	XLPE1200	2	1	
25	Đấu nối trạm 110kV Data Center Viettel	XLPE1200	4	2	
26	Trạm 220kV Đức Hòa 1 - Tân Phú Trung	ACSR400	2	15	

TT	Tên đường dây điện	Tiết diện (mm^2)	Quy mô		Ghi chú
			Số mạch	Chiều dài dự kiến (km)	
27	Xuất tuyến 110kV trạm 220kV Tây Bắc Củ Chi	ACSR400	4	2	
28	Trạm 110kV Phước Hiệp - trạm 110kV của Nhà máy tích hợp xử lý chất thải rắn	XLPE1200	1	1	
29	Trạm 110kV Phước Hiệp- Nhà máy đốt rác phát điện	XLPE1200	1	1	
30	Trạm 110kV Phước Hiệp - trạm 110kV của Nhà máy điện rác Củ Chi	XLPE1200	1	1	
31	Trạm 220kV Bình Chánh 2 - Nam Sài Gòn 2	ACSR400	2	8	
32	Nhánh rẽ trạm 110kV Tân Kiên	ACSR400	2	3	
33	Nhánh rẽ trạm 110kV KĐT Tân Tạo	ACSR400	2	0,5	
34	Nhánh rẽ trạm 110kV Vĩnh Lộc B	ACSR400	2	3	
35	Trạm 220kV Bình Chánh 2 - Tân Kiên	ACSR400	2	5	
36	Xuất tuyến 110kV trạm 220kV Bình Chánh 2	ACSR400	4	2	
37	220kV Nam Hiệp Phước - Hiệp Phước 2	ACSR400	2	5	

TT	Tên đường dây điện	Tiết diện (mm^2)	Quy mô		Ghi chú
			Số mạch	Chiều dài dự kiến (km)	
38	220kV Nam Hiệp Phước - LĐ Hiệp Phước	ACSR400	2	2	
39	Nhánh rẽ trạm 110kV KĐT Hiệp Phước 1	ACSR400	2	4	
40	Nhánh rẽ trạm 110kV KĐT Hiệp Phước 2	ACSR400	2	4	
41	220kV Nam Hiệp Phước - KCN Hiệp Phước 2	ACSR400	2	1	
42	Nhánh rẽ trạm 110kV Bình Hưng (Trạm B)	ACSR400	2	1	
43	Nhánh rẽ trạm 110kV Phước Vĩnh An	ACSR400	2	1	
44	Nhánh rẽ trạm 110kV Bình Hưng Hòa	XLPE1200	2	0,5	
45	Nhánh rẽ trạm 110kV Gò Vấp 4	XLPE1200	2	1	
46	Gò Vấp 3 - Gò Vấp 1	XLPE1200	2	7	
47	Nhánh rẽ trạm 110kV A1	XLPE1200	2	0,5	
48	Nhánh rẽ trạm 110kV Phú Định 2	ACSR400	2	1,5	
49	Nhánh rẽ trạm 110kV Tam Bình	ACSR400	2	0,5	

TT	Tên đường dây điện	Tiết diện (mm^2)	Quy mô		Ghi chú
			Số mạch	Chiều dài dự kiến (km)	
50	Nhánh rẽ trạm 110kV Phước Long 2	ACSR400	2	1,4	
51	Nhánh rẽ trạm 110kV Long Trường	ACSR400	2	2	
52	Nhánh rẽ trạm 110kV Rạch Chiếc	ACSR400	2	4	
53	Nhánh rẽ trạm 110kV Cát Lái 2	ACSR400	2	1	
54	Nhánh rẽ trạm 110kV Nhơn Đức	ACSR400	2	0,5	
55	Nhánh rẽ trạm 110kV ĐT Cần Giờ 1	ACSR400	2	8	
56	Nhánh rẽ trạm 110kV Logistic kho Cảng Cần Giờ 1	ACSR400	2	8	
57	Nhánh rẽ trạm 110kV Cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ				
b	**Cải tạo**				
1	Bình Lợi - Hỏa Xa	XLPE1200	1	5,5	
2	Hỏa Xa - Hòa Hưng	XLPE1200	1	7	
3	Thủ Đức - Thanh Đa	XLPE1200	2	4	

TT	Tên đường dây điện	Tiết diện (mm^2)	Quy mô		Ghi chú
			Số mạch	Chiều dài dự kiến (km)	
4	Phú Lâm - Chợ Lớn	XLPE1200	2	5,1	
5	An Khánh - Việt Thành	XLPE1200	1	3	
6	Việt Thành - Chánh Hưng	XLPE1200	1	4,5	
7	Tao Đàn - Thị Nghè	XLPE1200	2	2,255	
8	Hỏa Xa - Tân Sơn Nhất	XLPE1200	2	1,7	
9	Tao Đàn - Bến Thành	XLPE1200	1	2,025	
10	Nhà Bè - Nam Sài Gòn 1 (đoạn T22-Nam Sài Gòn 1,	XLPE1200	1	0,4	
11	Nam Sài Gòn 1 - Việt Thành (NSG1-T1)	XLPE1200	1	0,6	
12	Nhà Bè - Việt Thành (đoạn T22-T1 qua khu dân cư phát đạt)	XLPE1200	1	0,5	
-	Cải tạo, nâng khả năng tải; Hoàn thiện kết lưới 110kV khu vực trạm 500kV Nhà Bè		2	75	
IV	**Đường dây trung áp 22kV**				
1	Xây dựng mới			1.879,8	
2	Cải tạo			354,8	

Ghi chú:

1. (*) Đối với các dự án chưa có trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch: Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp Bộ Công Thương và các cơ quan có liên quan rà soát, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, bổ sung vào Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch trước khi thực hiện các thủ tục đầu tư và triển khai thực hiện dự án theo quy định;

2. Chiều dài và tiết diện dây dẫn đường dây 500kV, 220kV, 110kV sẽ được cụ thể trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư các dự án theo quy định.

Phụ lục XII

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH TRẠM BIẾN ÁP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1711/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên trạm biến áp	Đơn vị	Giai đoạn 2021 - 2030		Ghi chú
			Xây dựng mới	Nâng công suất	
I	**Trạm 500kV**				
1	Trạm 500kV Nhà Bè	MVA		1.800	
2	Trạm 500kV Cầu Bông	MVA		2.700	
3	Trạm 500kV Củ Chi	MVA	1.800		
II	**Trạm 220kV**				
1	Trạm 220kV Thủ Thiêm	MVA	500		
2	Trạm 220kV thành phố Thủ Đức (Quận 9 cũ)	MVA	500		
3	Trạm 220kV Bình Tân	MVA		750	
4	Trạm 220kV Vĩnh Lộc (Bà Quẹo)	MVA	500		
5	Trạm 220kV Bình Chánh 1	MVA	500		
6	Trạm 220kV Bình Chánh 2	MVA	250		
7	Trạm 220kV Phú Hòa Đông	MVA	250		
8	Trạm 220kV Tây Bắc Củ Chi	MVA	250		

TT	Tên trạm biến áp	Đơn vị	Giai đoạn 2021 - 2030		Ghi chú
			Xây dựng mới	Nâng công suất	
9	Trạm 220kV Tân Cảng	MVA	500		
10	Trạm 220kV Đầm Sen	MVA	500		
11	Trạm 220kV Tân Sơn Nhất	MVA	500		
12	Trạm 220kV Nhà Bè	MVA		750	
13	Trạm 220kV Nam Hiệp Phước	MVA	500		
14	Trạm 220kV Quận 7	MVA	500		
15	(*) Trạm biến áp GIS 220KV Cần Giờ	MVA	2x250		
III	**Trạm 110kV**				
1	Bình Triệu	MVA		2x63	
2	Nối cấp Thủ Đức	MVA		1x63	
3	Hiệp Bình Phước nối cấp	MVA		2x63	
4	Nhà máy nước Thủ Đức	MVA		2x63	
5	Thủ Thiêm 1	MVA	2x63		
6	Phước Long (Phú Hữu)	MVA		1x63	
7	Linh Đông	MVA	2x63		
8	Thủ Thiêm 2	MVA	2x63		
9	Nối cấp Thủ Thiêm	MVA	2x63		
10	Thủ Thiêm 3	MVA	1x63	1x63	
11	Hiệp Bình Phước (Metro 3b)	MVA	2x20		

TT	Tên trạm biến áp	Đơn vị	Giai đoạn 2021 - 2030		Ghi chú
			Xây dựng mới	Nâng công suất	
12	Tam Bình	MVA	1x63		
13	Phước Long 2	MVA	1x63		
14	Cát Lái 2	MVA	1x63		
15	Long Trường	MVA	2x63		
16	Công Nghệ Cao 1	MVA	2x63		
17	Công Nghệ Cao 3	MVA	2x63		
18	Rạch Chiếc	MVA	2x63		
19	Quận 9 cũ (Nối cấp)	MVA	2x63		
20	Vincity	MVA	2x63		
21	Củ Chi 220kV (nối cấp)	MVA		2x63	
22	Phú Hòa Đông	MVA		2x63	
23	Tân Hiệp	MVA		2x63	
24	Tân Thới Hiệp (Đông Thạnh)	MVA		1x63	
25	Vĩnh Lộc	MVA		1x63	
26	Tân Bình 1	MVA		1x63	
27	Nối cấp Bình Tân	MVA		1x63	
28	Bình Trị Đông	MVA		1x63	
29	Tân Tạo	MVA		1x63	
30	Bàu Đưng	MVA		2x63	
31	Tân Túc	MVA		1x63	
32	Lê Minh Xuân	MVA		1x63	

TT	Tên trạm biến áp	Đơn vị	Giai đoạn 2021 - 2030		Ghi chú
			Xây dựng mới	Nâng công suất	
33	Nối cấp Bình Chánh	MVA		1x63	
34	Nam Sài Gòn 2	MVA		2x63	
35	Xuân Hồng	MVA	2x63		
36	Hóc Môn 3	MVA	2x63	1x63	
37	Tân Phú Trung	MVA	2x63	1x63	
38	CV Phú Lâm (Metro)	MVA	2x20		
39	An Hạ	MVA	1x63	1x63	
40	Phong Phú	MVA	2x63		
41	Lê Minh Xuân 2	MVA	2x63		
42	Thạnh Lộc 2	MVA	1x63		
43	Tân Chánh Hiệp (An Phú Đông)	MVA	2x63	1x63	
44	Phước Hiệp	MVA	2x63	1x63	
45	Metro Tham Lương	MVA	2x25		
46	Depot Thạnh Xuân	MVA	2x40		
47	Depot Đa Phước	MVA	2x40		
48	Sinh Việt	MVA	2x63		
49	KĐT Tân Tạo	MVA	1x63		
50	Tân Thới Nhì	MVA	1x63		
51	Nối cấp Bình Chánh 1	MVA	2x63		
52	Nối cấp Bình Chánh 2	MVA	2x63		
53	Bình Hưng Hòa	MVA	1x63		

TT	Tên trạm biến áp	Đơn vị	Giai đoạn 2021 - 2030		Ghi chú
			Xây dựng mới	Nâng công suất	
54	Bình Hưng (Trạm B)	MVA	1x63		
55	Tân Kiên	MVA	1x63		
56	Phước Vĩnh An	MVA	1x63		
57	Phú Định 2	MVA	1x63		
58	Lê Minh Xuân 3	MVA	2x63		
59	Tân Quy 2	MVA	1x63		
60	Vĩnh Lộc B	MVA	1x63		
61	Đô thị Đại học	MVA	1x63		
62	Trạm 110kV Data Center Viettel	MVA	4x63		
63	Gò Vấp 1	MVA		1x63	
64	Thanh Đa	MVA		1x63	
65	Tân Sơn Nhất (nối cấp)	MVA	2x63		
66	Hỏa Xa	MVA		1x63	
67	Đa Kao	MVA		1x63	
68	Thị Nghè	MVA		1x63	
69	Nối cấp Tao Đàn	MVA		1x63	
70	Bến Thành	MVA		1x63	
71	Trường Đua	MVA		1x63	
72	Chợ Lớn	MVA		1x63	
73	Phú Định	MVA		1x63	
74	Chánh Hưng	MVA		3x63	

TT	Tên trạm biến áp	Đơn vị	Giai đoạn 2021 - 2030		Ghi chú
			Xây dựng mới	Nâng công suất	
75	Nối cấp Quận 8	MVA		1x63	
76	Kỳ Hòa	MVA	2x63		
77	Metro Tân Cảng	MVA	2x25	2x40	
78	CV 23/9	MVA	2x63		
79	Ba Son	MVA	3x40		
80	Đầm Sen nối cấp	MVA	2x63	1x63	
81	Nối cấp Tân Cảng	MVA	2x63		
82	Cảng Nhà Rồng (Khánh Hội)	MVA	2x63		
83	Phú Mỹ	MVA	2x63		
84	Ga Sài Gòn	MVA	2x63		
85	Gò Vấp 3	MVA	2x63	1x63	
86	Công viên Lê Văn Tám	MVA	2x40		
87	Metro Tao Đàn	MVA	2x25		
88	Bình Quới	MVA	2x63		
89	Tân Sơn	MVA	2x63		
90	Gò Vấp 4	MVA	2x63		
91	Tân Thuận	MVA		3x63	
92	Việt Thành	MVA		3x63	
93	Phú Mỹ Hưng (A)	MVA		2x63	
94	Nam Sài Gòn 1	MVA		1x63	
95	Nối cấp Nhà Bè	MVA		2x63	

TT	Tên trạm biến áp	Đơn vị	Giai đoạn 2021 - 2030		Ghi chú
			Xây dựng mới	Nâng công suất	
96	KCN Hiệp Phước (Long Thới)	MVA		1x63	
97	An Nghĩa	MVA		2x40	
98	Cần Giờ	MVA		2x40	
99	Khu đô thị GS	MVA	2x63	1x63	
100	Trung tâm Thủy sản (110kV Trung tâm Thủy sản)	MVA	1x40	1x40	
101	KCN Hiệp Phước 2	MVA	1x63		
102	Nối cấp Nam Hiệp Phước (thay Lưu động Hiệp Phước)	MVA	3x63		
103	Phước Kiển (Metro 4)	MVA	2x40		
104	A1	MVA	2x63		
105	Nhơn Đức	MVA	1x63		
106	Hiệp Phước 2	MVA	1x63		
107	Đô thị Hiệp Phước 1	MVA	1x63		
108	Đô thị Hiệp Phước 2	MVA	1x63		
109	Đô thị Cần Giờ 1	MVA	1x63		
110	Logistic kho Cảng Cần Giờ 1	MVA	2x63		
111	(*) Cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ	MVA	2x63		

TT	Tên trạm biến áp	Đơn vị	Giai đoạn 2021 - 2030		Ghi chú
			Xây dựng mới	Nâng công suất	
112	Nhà máy tích hợp xử lý chất thải rắn	MVA	2x40		
113	Nhà máy đốt rác phát điện	MVA	2x40		
114	Nhà máy điện rác Củ Chi	MVA	2x40		
IV	**Trạm biến áp 22kV**				
1	Xây dựng mới	Trạm/MVA	4.612/4.214		
2	Cải tạo	Trạm/MVA		3.883/ 2.178	

Ghi chú:

1. (*) *Đối với các dự án chưa có trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn tới năm 2050 và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch: Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp Bộ Công Thương và các cơ quan có liên quan rà soát, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, bổ sung vào Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch trước khi thực hiện các thủ tục đầu tư và triển khai thực hiện dự án theo quy định;*

2. Quy mô, vị trí và diện tích trạm biến áp 500kV, 220kV, 110kV sẽ được cụ thể trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư các dự án theo quy định.

Phụ lục XIII
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG DỰ TRỮ, CUNG ỨNG XĂNG DẦU, KHÍ ĐỐT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1711/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

I. Kho xăng dầu

1. Kho xăng dầu cấp quốc gia: thực hiện theo Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Kho dự trữ, cung ứng xăng dầu:

TT	Tên kho	Địa điểm	Quy mô (m^3)	Quy mô cảng (DWT)	Phân loại kho
A	**HẠ TẦNG DỰ TRỮ XĂNG DẦU TIẾP TỤC HOẠT ĐỘNG, KHAI THÁC**				
1	Tổng kho xăng dầu Nhà Bè	Huyện Nhà Bè	721.474	40.000	Kho đầu mối
2	Tổng kho xăng dầu Nhà Bè PVOIL	Huyện Nhà Bè	170.000	45.000	Kho đầu mối
3	Kho VK102 Nhà Bè	Huyện Nhà Bè	54.000	40.000	Kho đầu mối
4	Kho xăng dầu xã Phú Xuân	Huyện Nhà Bè	61.000	40.000	Kho đầu mối
5	Kho sân bay Tân Sơn Nhất	Sân bay Tân Sơn Nhất	19.600		Kho sân bay
6	Kho Nhà Bè	Huyện Nhà Bè	20.000	15.000	Kho đầu mối
7	Kho cảng hóa dầu Lâm Tài Chánh	Huyện Nhà Bè	20.000	15.000	Kho tuyến sau
8	Kho xăng dầu Hải Linh Hiệp Phước	Huyện Nhà Bè	82.000	40.000	Kho đầu mối

TT	Tên kho	Địa điểm	Quy mô (m^3)	Quy mô cảng (DWT)	Phân loại kho
9	Kho xăng dầu Tapetco	Quận Tân Bình	9.027		Kho sân bay
B	**KHO XĂNG DẦU DI DỜI, GIẢI TỎA**				
	Kho Jet A-1 Sân bay Tân Sơn Nhất	Sân bay Tân Sơn Nhất	4.750		Kho sân bay
C	**KHO HẠ TẦNG DỰ TRỮ XĂNG DẦU MỞ RỘNG, NÂNG CÔNG SUẤT**				
1	Mở rộng Tổng kho xăng dầu Nhà Bè (Khu E)	Huyện Nhà Bè	1.121.474		Kho đầu mối (hiện hữu: 721.474m^3, mở rộng: 400.000m^3)
2	Mở rộng Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè PV OIL	Huyện Nhà Bè	295.000		Kho đầu mối (hiện hữu: 170.000m^3, mở rộng: 125.000m^3)
D	**HẠ TẦNG DỰ TRỮ XĂNG DẦU ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG MỚI**				
	Tổng kho Phú Xuân - Nhà Bè	Huyện Nhà Bè	450.000		Kho đầu mối, ngoại quan

II. Các dự án xử lý/hóa lỏng khí, lọc/hóa dầu; đường ống xăng dầu, đường ống dẫn khí: thực hiện theo Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Địa điểm, công suất cụ thể sẽ được xác định trong quá trình lập dự án đầu tư theo quy định.

Phụ lục XIV

DANH MỤC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1711/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH
PHÂN VÙNG I (HUYỆN CỦ CHI)	
A. Công trình thủy lợi vùng, hệ thống	
1	Nâng cấp hệ thống đê ven sông Sài Gòn từ cầu Bến Súc đến rạch Thai Thai
2	Nâng cấp công trình thủy lợi An Phú - Phú Mỹ Hưng
3	Nâng cấp hệ thống đê ven sông Sài Gòn từ rạch Sơn đến rạch Cầu Đen
4	Nâng cấp hệ thống đê bao ven sông Sài Gòn đoạn từ rạch Nàng Âm đến rạch Láng The (giai đoạn 2023 - 2025)
5	Nâng cấp hệ thống đê ven sông Sài Gòn từ rạch Láng The đến sông Lu
6	Xây dựng hệ thống thủy lợi ven sông Sài Gòn đoạn từ sông Lu đến rạch Bà Bếp (giai đoạn 2023 - 2025)
7	Nâng cấp công trình thủy lợi ven sông Sài Gòn huyện Củ Chi từ Tỉnh lộ 8 đến rạch Tra (Bắc rạch Tra) và 04 cống ngăn triều (cống rạch Cây Xanh, cống rạch Đá Hàn, cống rạch Rạch Dứa và cống rạch Bà Bếp)
8	Cải tạo, nâng cấp hệ thống Bến Mương
9	Nâng cấp, mở rộng và nạo vét rạch Láng The, kênh Địa Phận tại huyện Củ Chi
10	Xây dựng tuyến đê bao rạch Tra từ cầu Xáng (Tỉnh lộ 15) đến cầu An Hạ (Quốc lộ 22)
11	Nâng cấp hệ thống kênh Đông (hoàn chỉnh hệ thống kênh cấp 1; nâng cấp, cứng hóa bờ bờ kênh phục vụ giao thông nông thôn)
12	Cải tạo, nâng cấp, gia cố, kiên cố hóa rạch Thai Thai

TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH
13	Cải tạo, nâng cấp, gia cố, kiên cố hóa rạch Bà Phước
14	Cải tạo, nâng cấp, gia cố, kiên cố hóa rạch Cầu Đen
15	Cải tạo, nâng cấp, gia cố, kiên cố hóa rạch Sơn
16	Nạo vét, gia cố, nâng cấp kênh tiêu Quyết Thắng
17	Nạo vét, nâng cấp bờ sông Lu
18	Nâng cấp hệ thống thủy lợi Tân Thạnh Đông
19	Nâng cấp, cải tạo Kênh tiêu Khu CN Tân Quy (từ Tỉnh lộ 8 - đến rạch Bà Bếp)
20	Cụm Hồ điều hòa Bến Mương Láng The (hồ thủy lợi đa chức năng gồm cả phục vụ an ninh nguồn nước, điều tiết,…)
21	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu thoát nước Nhuận Đức (kênh tiêu dọc theo ranh trường Thanh thiếu niên 2 giáp xã Nhuận Đức)
22	Nạo vét, gia cố mái kênh, nâng cấp bờ kết hợp giao thông nội đồng rạch Bàu Nhum
23	Nâng cấp kênh tiêu Trung Viết (điểm đầu Kênh N46, điểm cuối đường Ngô Thị Phiện), xã Tân An Hội
B. Các tuyến kênh, rạch phục vụ sản xuất nông nghiệp, kết hợp giao thông nông thôn trên địa bàn xã, phường	
PHÂN VÙNG II (QUẬN 12, BÌNH TÂN, HUYỆN HÓC MÔN, BÌNH CHÁNH, NHÀ BÈ)	
A. Công trình thủy lợi vùng, hệ thống	
1	Nâng cấp hệ thống Hóc Môn - Bắc Bình Chánh
2	Xây dựng mới hệ thống kiểm soát triều Rạch Tra (Cống Rạch Tra - An Hạ, Kênh Xáng - Thầy Cai)
3	Xây dựng mới cống kiểm soát triều Sông Kinh
4	Dự án Giải quyết ngập do triều khu vực Thành phố Hồ Chí Minh có xét đến biến đổi khí hậu - giai đoạn 1

TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH
5	Nâng cấp, gia cố cấp bách hệ thống thủy lợi bờ hữu sông Sài Gòn (từ Rạch Tra đến sông Vàm Thuật)
6	Nạo vét, kiên cố hóa, khơi thông dòng chảy, giảm ô nhiễm môi trường tuyến kênh thủy lợi T0 tại huyện Bình Chánh
7	Nạo vét, khơi thông dòng chảy, giảm thiểu ô nhiễm môi trường các tuyến kênh, rạch huyện Bình Chánh, huyện Hóc Môn và quận Bình Tân
8	Cải tạo, nâng cấp rạch Cầu Sa (giai đoạn 3)
9	Nâng cấp, cải tạo kênh Trần Quang Cơ - Rạch Dừa - rạch Bến Đá trên địa bàn Quận 12, huyện Hóc Môn
10	Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch xuyên tâm (từ kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật)
11	Cải thiện hệ thống thoát nước, thu gom nước thải và thích ứng với biến đổi khí hậu tại lưu vực Tham Lương - Bến Cát (CRUS 1)
12	Cải thiện hệ thống thoát nước, thu gom nước thải và thích ứng với biến đổi khí hậu tại lưu vực Tây Sài Gòn (CRUS 2)
13	Xây dựng các cống kiểm soát triều đầu tuyến rạch: Tam Đệ, Ông Kiến
14	Hệ thống giảm nhẹ ngập lụt tại Thành phố Thủ Đức
15	Hồ điều hòa Gò Dưa
16	Hồ điều hòa Gò Vấp
17	Hồ điều hòa Vĩnh Lộc
18	Hồ khu bãi rác Gò Cát
19	Hồ Lê Minh Xuân
20	Hồ Xử lý nước thải Bình Hưng Hòa
21	Hồ Tân Tạo
22	Hồ công viên Khánh Hội
23	Cụm hồ trữ nước số 3 (hồ đa chức năng gồm cả phục vụ an ninh nguồn nước,… dự kiến bố trí tại Hóc Môn, Bình Chánh)

TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH
B. Công trình nông thôn mới	
B.1	**Huyện Hóc Môn**
24	Nạo vét, kiên cố hóa rạch Bà Thân
25	Nạo vét, kiên cố hóa rạch cầu Bà Năm
26	Nạo vét, kiên cố hóa rạch Vựa Khạp
27	Nạo vét, kiên cố hóa rạch Ông Đẻo
28	Nạo vét, kiên cố hóa rạch Hai Bửu
29	Nạo vét, kiên cố hóa rạch Bờ Đê
30	Nạo vét, kiên cố hóa rạch Nhum
31	Nạo vét, kiên cố hóa rạch Cầu Võ
32	Nạo vét, kiên cố hóa mương sau lô C
B.2	**Huyện Bình Chánh**
33	Nạo vét, kiên cố hóa rạch Ông Đồ, xã Bình Chánh - thị trấn Tân Túc
34	Kiên cố hóa rạch trên đường Phạm Thị Tánh (trước trụ sở Ủy ban xã Quy Đức)
35	Kiên cố hóa kênh Hốc Hưu nối dài, xã Quy Đức
36	Mương thoát nước cặp đường Tân Nhiễu ấp 2 (từ Rạch Tân Nhiễu đến cuối mương)
37	Nạo vét, gia cố chống sạt lở Rạch Tân Nhiễu ấp 2 (từ sông Rạch Gia đến Đường 4)
38	Nạo vét, gia cố chống sạt lở kênh Nguyễn Văn Long
39	Nạo vét, gia cố chống sạt lở kênh Nguyễn Văn Thời, xã Quy Đức
40	Lắp đặt cống thoát nước, kiên cố hóa mương tổ 17 ấp 2A, xã Vĩnh Lộc B (đoạn từ đường Võ Văn Vân đến rạch Cầu Suối)
B.3	**Huyện Nhà Bè**
41	Nạo vét, gia cố rạch Bông Bồn

TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH
42	Nạo vét, gia cố nhánh rạch ông Lớn 7 đoạn từ rạch ông Lớn đến hẻm 251 đường Đào Sư Tích
43	Nạo vét, gia cố rạch Tám Hy đoạn từ Kênh cây Khô đến đường Đào Sư Tích; ấp 3
C. Các tuyến kênh, rạch phục vụ sản xuất nông nghiệp, kết hợp giao thông nông thôn trên địa bàn xã, phường	
PHÂN VÙNG III (huyện Cần Giờ)	
A. Công trình thủy lợi vùng, hệ thống	
1	Xây dựng cống kiểm soát triều khu dân cư ấp An Nghĩa
2	Nâng cấp hệ thống thủy lợi phục vụ khu sản xuất khu vực Tắc Cá Cháy
3	Nâng cấp hệ thống thủy lợi phục vụ khu sản xuất khu vực Doi Bà Kiểng
4	Nâng cấp hệ thống thủy lợi phục vụ khu sản xuất rạch Dà Đỏ 01
5	Nâng cấp hệ thống thủy lợi phục vụ khu sản xuất rạch Dà Đỏ 02
6	Nâng cấp hệ thống đê thủy lợi dọc sông Kho Mắm
7	Nâng cấp hệ thống đê thủy lợi khu vực Doi Tiều
8	Nâng cấp hệ thống thủy lợi khu vực rạch Cá Nhám
9	Nâng cấp hệ thống thủy lợi khu vực từ đường đê muối Tiền Giang đến rạch Cá Nhám
10	Nâng cấp các tuyến đê bảo vệ khu nuôi trồng thủy sản 400ha xã Lý Nhơn
11	Nâng cấp hệ thống thủy lợi phục vụ khu sản xuất khu vực Doi Lầu
12	Nâng cấp hệ thống thủy lợi phục vụ khu sản xuất ấp An Lộc
13	Nâng cấp hệ thống thủy lợi phục vụ khu sản xuất ấp An Hòa
14	Nâng cấp hệ thống thủy lợi phục vụ khu sản xuất Kênh Ngay
15	Nâng cấp hệ thống thủy lợi phục vụ khu sản xuất Kinh Ông Cả
16	Nâng cấp hệ thống thủy lợi phục vụ khu sản xuất Rạch Ráng
17	Nâng cấp hệ thống thủy lợi phục vụ khu sản xuất Rạch Đước

TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH
18	Nâng cấp hệ thống thủy lợi phục vụ khu sản xuất sông Tắt Tây Đen
19	Nâng cấp hệ thống thủy lợi phục vụ khu sản xuất ấp Trần Hưng Đạo
B. Công trình nông thôn mới	
20	Nạo vét, kiên cố hóa công trình thủy lợi khu dân cư 100 căn, ấp Lý Hòa Hiệp, xã Lý Nhơn
21	Xây dựng mới 02 cống thủy lợi khu vực Doi Lầu xã An Thới Đông
C. Các tuyến kênh, rạch phục vụ sản xuất nông nghiệp, kết hợp giao thông nông thôn trên địa bàn xã, phường	
D. Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá tại sông Đồng Đình, thị trấn Cần Thạnh, huyện Cần Giờ	

Ghi chú: *quy mô, công suất và vị trí các dự án được xác định cụ thể trong giai đoạn lập dự án đầu tư theo quy định.*

Phụ lục XV

DANH MỤC CÁC NHÀ MÁY NƯỚC, TUYẾN ỐNG TRUYỀN TẢI VÀ ĐƯỜNG ỐNG CẤP 1 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1711/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên công trình	Nguồn nước	Địa điểm	Công suất (m^3/ngày.đêm)	Phạm vi cấp nước
I	**Các nhà máy nước xây dựng mới**				
1	Nhà máy nước Thủ Đức IV	Sông Đồng Nai/Hồ Trị An	Thành phố Thủ Đức	300.000	Thành phố Thủ Đức, quận Bình Thạnh, Phú Nhuận, 3, 1, 11, 5, 4, 7, 10, 12, Tân Bình, Gò Vấp, huyện Bình Chánh, Nhà Bè
2	Nhà máy nước Thủ Đức V	Sông Đồng Nai/Hồ Trị An	Thành phố Thủ Đức	500.000	
3	Nhà máy nước Tân Hiệp 3	Sông Sài Gòn/Kênh Đông/Hồ Dầu Tiếng	Huyện Hóc Môn	300.000	Quận 12, Gò Vấp, Tân Bình, 6, 8, Bình Tân, Tân Phú, 12, huyện Bình Chánh, Hóc Môn
4	Nhà máy nước Kênh Đông 2	Sông Sài Gòn/Kênh Đông/Hồ Dầu Tiếng	Huyện Củ Chi	250.000	Huyện Củ Chi
II	**Tuyến ống truyền tải, tuyến ống cấp 1 và các công trình đầu mối trên mạng lưới**				
1	Cải tạo, tái cấu trúc mạng lưới chuyển tải và phân phối - cấp nước an toàn trên mạng lưới bao gồm: các trạm bơm tăng áp đặt tại Tân Phú, tại Thảo Cầm Viên Sài Gòn, tại đường Nguyễn Văn Linh… ; các trạm tăng áp quy				

TT	Tên công trình	Nguồn nước	Địa điểm	Công suất (m^3/ngày.đêm)	Phạm vi cấp nước
	mô lớn khác; trạm bơm tăng áp tại các thủy đài hiện hữu; trạm bơm tăng áp tại các giếng khoan và trạm cấp nước ngầm hiện hữu; phát triển hoàn chỉnh hệ thống đường ống chuyển tải và mạng lưới phân phối tương ứng.				
2	Phát triển hoàn chỉnh hệ thống đường ống chuyển tải và đường ống cấp 1 phù hợp với phát triển công suất các nhà máy nước và phát triển mới các tuyến ống chuyển tải và mạng lưới phân phối phù hợp với các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố tại khu vực động lực như huyện Cần Giờ, Bình Chánh, ...				

Ghi chú:

- Tên, địa điểm, công suất, diện tích, phạm vi cấp nước, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập dự án đầu tư theo quy định;

- Vị trí, quy mô, công suất của đường ống chuyển tải chính, đường ống chuyển tải khu vực (cấp 1) và trạm bơm tăng áp trên các tuyến ống chuyển tải được xác định cụ thể trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo nhà máy nước, trạm cấp nước và phù hợp với nhu cầu cấp nước của địa phương.

Phụ lục XVI
DANH MỤC CÁC KHU XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1711/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm
1	Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Tây Bắc	822	Huyện Củ Chi
2	Khu liên hợp xử lý chất thải và nghĩa trang Đa Phước	613,88	Huyện Bình Chánh
3	Khu công nghệ môi trường xanh	200	Huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An
4	Khu xử lý Chất thải rắn huyện Cần Giờ	30	Huyện Cần Giờ
5	Dự án nhà máy xử lý chất thải rắn và thu hồi năng lượng	6	Phường Long Bình, thành phố Thủ Đức
6	Dự án Nhà máy xử lý chất thải rắn và thu hồi năng lượng	5,2	Phường Linh Xuân, thành phố Thủ Đức
7	Các dự án trạm trung chuyển chất thải rắn		Thành phố Thủ Đức và các quận, huyện

Ghi chú:

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập dự án đầu tư theo quy định;

- Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp Ủy ban nhân dân tỉnh Long An thực hiện dự án Khu công nghệ môi trường xanh.

Phụ lục XVII
DANH MỤC NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1711/QĐ-TTg
ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên nhà máy xử lý nước thải	Địa điểm	Hệ thống thu gom
1	Nhà máy xử lý nước thải Bình Hưng	Xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh	Hỗn hợp
2	Nhà máy xử lý nước thải Bình Hưng Hòa	Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân	Hỗn hợp
3	Nhà máy xử lý nước thải Tham Lương Bến Cát	Phường An Phú Đông, Quận 12	Hỗn hợp
4	Nhà máy xử lý nước thải Nhiêu Lộc Thị Nghè	Phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức	Hỗn hợp
5	Nhà máy xử lý nước thải Bắc Sài Gòn I	Phường Tam Phú, thành phố Thủ Đức	Hỗn hợp
6	Nhà máy xử lý nước thải Suối Nhum	Phường Linh Trung, thành phố Thủ Đức	Hỗn hợp
7	Nhà máy xử lý nước thải Bắc Sài Gòn II	Phường Long Trường, thành phố Thủ Đức	Hỗn hợp
8	Nhà máy xử lý nước thải Nam Sài Gòn	Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè	Hỗn hợp
9	Nhà máy xử lý nước thải Rạch Cầu Dừa	Xã Nhị Bình, huyện Hóc Môn	Hỗn hợp
10	Nhà máy xử lý nước thải Tây Bắc Thành phố	Xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi	Hỗn hợp

STT	Tên nhà máy xử lý nước thải	Địa điểm	Hệ thống thu gom
11	Nhà máy xử lý nước thải Tân Hóa Lò Gốm	Xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh	Hỗn hợp
12	Nhà máy xử lý nước thải Cần Giờ	Huyện Cần Giờ	Hỗn hợp

Ghi chú: *tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập dự án đầu tư theo quy định.*

Phụ lục XVIII
DANH MỤC HẠ TẦNG Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1711/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên dự án	Địa điểm
I	**Danh mục hạ tầng y tế dự kiến nâng cấp mở rộng cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế**	
1	Trung tâm Cấp cứu 115 cơ sở 2	Cụm y tế Tân Kiên tại huyện Bình Chánh
2	Ngân hàng Máu	Huyện Bình Chánh
3	Trung tâm Kiểm chuẩn Xét nghiệm	Huyện Bình Chánh
4	Xây dựng Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố (CDC)	Quận 8
5	Xây dựng Bệnh viện Chợ Rẫy Cơ sở 2	Huyện Bình Chánh
II	**Danh mục hạ tầng y tế dự kiến thành lập, xây mới**	
a	**Công lập**	
1	Xây dựng Trung tâm tầm soát và phát hiện bệnh sớm bằng công nghệ cao (Cụm y tế Trung tâm)	Quận Bình Thạnh
2	Xây dựng Trung tâm tầm soát và phát hiện bệnh sớm bằng công nghệ cao (Cụm y tế Thủ Đức)	Thành phố Thủ Đức
3	Xây dựng Trung tâm tầm soát và phát hiện bệnh sớm bằng công nghệ cao (Cụm y tế Tân Kiên)	Cụm Y tế Tân Kiên, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh
4	Xây dựng Bệnh viện Chấn thương cơ sở 1	Cụm Y tế Tân Kiên, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh
5	Xây dựng Bệnh viện Chấn thương cơ sở 2	Thành phố Thủ Đức

STT	Tên dự án	Địa điểm
6	Xây dựng Bệnh viện Tâm Thần cơ sở 1	Huyện Bình Chánh
7	Xây dựng Bệnh viện Tâm Thần cơ sở 2	Thành phố Thủ Đức
8	Xây dựng Bệnh viện Đa khoa thực hành 500 giường thuộc Đại học y khoa Phạm Ngọc Thạch (giai đoạn 1)	Cụm Y tế Tân Kiên, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh (Khu 33ha)
9	Xây dựng Bệnh viện Đa khoa thực hành 500 giường thuộc Đại học y khoa Phạm Ngọc Thạch (giai đoạn 2)	Cụm Y tế Tân Kiên, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh (Khu 19ha)
10	Xây dựng Khu điều trị, giảng dạy kỹ thuật cao Y học cổ truyền kết hợp Y học hiện đại	Huyện Cần Giờ
11	Đầu tư xây dựng Khu Công nghiệp chuyên ngành Y - Dược của Thành phố Hồ Chí Minh	KCN Lê Minh Xuân 2, huyện Bình Chánh
12	Xây dựng Trung tâm Cấp cứu 115 - cơ sở 3	Thành phố Thủ Đức
13	Đầu tư Hạ tầng kỹ thuật Cụm Y tế Tân Kiên huyện Bình Chánh	Cụm Y tế Tân Kiên, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh
14	Xây dựng Khu Viện trường Long Thới Nhà Bè	Huyện Nhà Bè
15	Xây dựng Viện trường quốc tế	Thành phố Thủ Đức
16	Xây dựng Viện trường (Cụm y tế thành phố Thủ Đức)	Thành phố Thủ Đức
17	Xây dựng Bệnh viện Bộ Công an	Thành phố Thủ Đức
18	Đầu tư xây dựng Trung tâm Kiểm soát bệnh tật khu vực phía Nam	Thành phố Hồ Chí Minh
19	Đầu tư xây dựng 01 cơ sở giám định pháp y tâm thần khu vực tại Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh
20	Đầu tư xây dựng 01 cơ sở giám định pháp y khu vực tại Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh

STT	Tên dự án	Địa điểm
21	Đầu tư nâng cấp trung tâm sàng lọc chẩn đoán trước sinh và sơ sinh khu vực tại Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh
22	Trung tâm Điều phối quốc gia về ghép bộ phận cơ thể người tại Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh
b	**Ngoài công lập**	
	Khuyến khích các dự án xã hội hóa: Bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tư nhân *(Ưu tiên đầu tư các chuyên khoa sâu kỹ thuật cao)*; Trung tâm y tế kỹ thuật cao; phòng khám đa khoa, chuyên khoa….	

Ghi chú:

- Tên, vị trí, ranh giới và diện tích, quy mô, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập dự án đầu tư theo quy định;

- Các dự án, công trình y tế khác ngoài danh mục trên căn cứ vào Quy hoạch chung đô thị, quy hoạch xây dựng vùng huyện.

Phụ lục XIX
DANH MỤC HẠ TẦNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1711/QĐ-TTg
ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

A. HẠ TẦNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Đơn vị tính: số trường

STT	Cấp học	Quy mô đến 2030
I	**GIÁO DỤC MẦM NON**	**2.061**
1	Công lập	573
2	Ngoài công lập	1.488
II	**GIÁO DỤC PHỔ THÔNG**	
1	**Tiểu học**	**720**
1.1	Công lập	694
1.2	Ngoài công lập	26
2	**Trung học cơ sở**	**351**
2.1	Công lập	338
2.2	Ngoài công lập	13
3	**Trung học phổ thông**	**351**
3.1	Công lập	132
3.2	Ngoài công lập	93
4	**Trường nhiều cấp học**	**115**
4.1	Công lập	25
4.2	Ngoài công lập	80
5	**Trung tâm giáo dục thường xuyên**	**33**
III	**TRƯỜNG CHUYÊN BIỆT**	**25**
1	Công lập	*
2	Ngoài công lập	*

B. DANH MỤC CÁC KHU NGHIÊN CỨU ĐÀO TẠO

STT	Tên khu nghiên cứu đào tạo	Quy mô dự kiến
1	Khu Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	Khoảng 2.252ha
2	Khu đô thị đại học Quốc tế Việt Nam	
3	Khu đại học Hưng Long	
4	Khu đô thị tri thức sáng tạo Long Phước	

Ghi chú:

- Về quy mô, mạng lưới và số lượng cơ sở giáo dục và đào tạo có thể thay đổi tùy theo việc sắp xếp đơn vị hành chính, sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập và tình hình thực tế của Thành phố trong quá trình thực hiện;

- (*) Số lượng sẽ được xác định trong quá trình thực hiện quy hoạch và sau khi hình thành dự án cụ thể.

Phụ lục XX
DANH MỤC CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1711/QĐ-TTg
ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên cơ sở	Địa điểm
A	**KHỐI TRƯỜNG CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP**	
I	**Danh mục dự án cơ sở giáo dục nghề nghiệp cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo**	
1	Trường Trung cấp nghề Củ Chi	Huyện Củ Chi
2	Trường Cao đẳng Nghề Thành phố Hồ Chí Minh	Quận 1
3	Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thủ Đức	Thành phố Thủ Đức
4	Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh	Quận Tân Bình
5	Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	Quận 6
6	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Nguyễn Trường Tộ	Quận 1
7	Trường Trung cấp nghề Quang Trung	Quận Gò Vấp
8	Trường nghề chất lượng cao của trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương	Quận 5
9	Trường Cao đẳng Bách Khoa Nam Sài Gòn	Quận 8
10	Trường Cao đẳng Giao thông Vận tải	Quận 3
11	Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	Quận 1
12	Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	Thành phố Thủ Đức
13	Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Quận 12	Quận 12
14	Trường Trung cấp nghề Đông Sài Gòn	Thành phố Thủ Đức

STT	Tên cơ sở	Địa điểm
15	Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Nguyễn Hữu Cảnh	Quận 7
16	Trường Trung cấp Bách Nghệ Thành phố Hồ Chí Minh	Huyện Hóc Môn
17	Trường Trung cấp nghề Bình Thạnh	Huyện Bình Thạnh
18	Trường Cao đẳng kiến trúc - xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh	Quận Bình Thạnh
19	Trường Trung cấp Du lịch và Khách sạn Saigontourist	Quận Tân Bình
20	Trường Cao đẳng Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	Quận 10
II	**Danh mục dự án cơ sở giáo dục nghề nghiệp xây mới**	
21	Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh (Cơ sở 2)	Huyện Củ Chi
22	Trường Cao đẳng Văn hóa nghệ thuật và Du lịch Sài Gòn (Cơ sở 2)	Huyện Củ Chi
23	Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (Cơ sở 2)	Huyện Nhà Bè
B	**TRUNG TÂM GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**	
1	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Nhà Bè	Huyện Nhà Bè
2	Nâng cấp trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Cần Giờ (Cơ sở 2) thành Cao đẳng nghề	Huyện Cần Giờ

Ghi chú:

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập dự án đầu tư theo quy định;

- Các dự án, công trình khác ngoài danh mục trên căn cứ vào Quy hoạch chung đô thị, quy hoạch xây dựng vùng huyện.

Phụ lục XXI

DANH MỤC HẠ TẦNG AN SINH XÃ HỘI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1711/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Cơ sở an sinh xã hội	Địa điểm
A	**Danh mục hạ tầng an sinh xã hội dự kiến sửa chữa, củng cố, nâng cấp**	
I	***Cơ sở cai nghiện ma túy***	
1	Cơ sở cai nghiện ma túy Đức Hạnh	Huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước
2	Cơ sở cai nghiện ma túy Phú Văn	Huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước
3	Cơ sở cai nghiện ma túy Phú Nghĩa	Huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước
4	Cơ sở cai nghiện ma túy Phú Đức	Huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước
5	Cơ sở tư vấn và cai nghiện ma túy Bình Triệu	Quận Bình Thạnh
6	Cơ sở cai nghiện ma túy Nhị Xuân	Huyện Hóc Môn
7	Cơ sở cai nghiện ma túy số 1	Huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông
8	Cơ sở cai nghiện ma túy số 2	Huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng
9	Cơ sở cai nghiện ma túy Phước Bình	Huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai
II	***Trung tâm Bảo trợ xã hội***	
10	Trung tâm Công tác xã hội - Giáo dục dạy nghề thiếu niên thành phố	Quận Gò Vấp
11	Trung tâm Bảo trợ xã hội Tân Hiệp	Tỉnh Bình Phước
12	Trung tâm bảo trợ trẻ tàn tật mồ côi Thị Nghè	Quận Bình Thạnh

STT	Cơ sở an sinh xã hội	Địa điểm
13	Trung tâm Nuôi dưỡng bảo trợ trẻ em Linh Xuân	Thành phố Thủ Đức
14	Trung tâm bảo trợ xã hội Bình Đức	Huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước
15	Làng Thiếu niên Thủ Đức	Thành phố Thủ Đức
16	Trung tâm Nuôi dưỡng bảo trợ trẻ em Gò Vấp	Quận Gò vấp
17	Trung tâm Bảo trợ - Dạy nghề và tạo việc làm Thành phố	Quận 3
18	Trung tâm dịch vụ việc làm Thành phố Hồ Chí Minh (Cơ sở 2)	Huyện Củ Chi
19	Trung tâm Hỗ trợ xã hội	Quận Bình Thạnh
20	Trung tâm bảo trợ trẻ tàn tật mồ côi Thị Nghè (Cơ sở 2)	Thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng
B	**Danh mục hạ tầng an sinh xã hội dự kiến mở rộng, xây mới**	
I	***Cơ sở cai nghiện ma túy***	
1	Cơ sở cai nghiện ma túy Bố Lá	Thị xã Phước Long tỉnh Bình Phước
2	Cơ sở cai nghiện ma túy Thanh thiếu niên 2	Huyện Củ Chi
3	Cơ sở cai nghiện ma túy số 3	Huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
4	Trung tâm Tư vấn và Cai nghiện Làng Bình Minh	Quận Bình Thạnh
5	Trung tâm Điều dưỡng cai nghiện ma túy Thanh Đa	Quận Bình Thạnh
II	***Trung tâm bảo trợ xã hội công lập***	
6	Trung tâm Hỗ trợ xã hội	Huyện Củ Chi
7	Trung tâm Bảo trợ xã hội Chánh Phú Hòa	TX. Bến Cát, tỉnh Bình Dương
8	Trung tâm Điều dưỡng người bệnh tâm thần	Thành phố Thủ Đức

STT	Cơ sở an sinh xã hội	Địa điểm
III	***Cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập (Phát triển mới)***	
9	Cơ sở chăm sóc người khuyết tật Huynh Đệ Như Nghĩa	Quận Bình Tân
10	Cơ sở chăm sóc trẻ em phát huy Bình Triệu	Thành phố Thủ Đức
11	Cơ sở Bảo trợ xã hội Chùa Bình An	Quận Bình Tân
12	Cơ sở chăm sóc người cao tuổi Chùa Lâm Quang	Quận 8

Ghi chú: *tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập dự án đầu tư theo quy định. Các dự án, công trình khác ngoài danh mục trên căn cứ vào Quy hoạch chung đô thị, quy hoạch xây dựng vùng huyện.*

Phụ lục XXII
DANH MỤC HẠ TẦNG VĂN HÓA, THỂ THAO, DU LỊCH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1711/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

I. CÁC DI TÍCH CẤP QUỐC GIA DỰ KIẾN TU BỔ, CHỐNG XUỐNG CẤP

STT	Tên cơ sở	Địa điểm
1	Khu Di tích lịch sử địa đạo Củ Chi	Huyện Củ Chi
2	Đình Thông Tây Hội (hạng mục Nhà Hội sở)	Quận Gò Vấp
3	Địa đạo Phú Thọ Hòa	Quận Tân Phú
4	Chùa Giác Viên	Quận 11
5	Chùa Phụng Sơn	Quận 11
6	Giồng Cá Vồ	Huyện Cần Giờ
7	Đình Chí Hòa	Quận 10
8	Nhà hát Thành phố Hồ Chí Minh	Quận 1
9	Địa điểm lưu niệm Chủ tịch Tôn Đức Thắng	Quận 1
10	Trụ sở Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh	Quận 1
11	Khu trại giam bệnh viện Chợ Quán - nơi đồng chí Trần Phú hy sinh	Quận 5
12	Trụ sở Phái đoàn liên lạc của Bộ Tổng tư lệnh Quân đội Nhân dân Việt Nam cạnh Phân ban Quốc tế giám sát và kiểm soát đình chiến tại Sài Gòn (1955 - 1958)	Quận Phú Nhuận
13	Đình Linh Đông	Thành phố Thủ Đức
14	Chiến khu Rừng Sác - Cần Giờ	Huyện Cần Giờ

STT	Tên cơ sở	Địa điểm
15	Bót dây thép	Thành phố Thủ Đức
16	Đình Trường Thọ	Thành phố Thủ Đức
17	Đình Xuân Hiệp	Thành phố Thủ Đức
18	Bảo tàng Thành phố Hồ Chí Minh	Quận 1
19	Cơ sở giấu vũ khí của Biệt động Thành đánh Dinh Độc lập	Quận 3
20	Cơ sở Ban Tuyên huấn Xứ ủy Nam Bộ	Quận 3
21	Lò gốm Hưng Lợi	Quận 8
22	Đình Bình Hòa	Quận Bình Thạnh

II. CÁC CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG THỂ THAO CẤP QUỐC GIA

STT	Tên cơ sở	Địa điểm
1	Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Thủ Đức
2	Khu Liên hợp Thể dục thể thao quốc gia Rạch Chiếc	Thành phố Thủ Đức
3	Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Thủ Đức

III. CÁC CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG VĂN HÓA, THỂ THAO CẤP THÀNH PHỐ

STT	Tên cơ sở	Địa điểm
I	**Danh mục hạ tầng văn hóa, thể dục thể thao dự kiến cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất**	
*	***Văn hóa***	

STT	Tên cơ sở	Địa điểm
1	Nhà đặt Trống đồng thuộc Khu Tưởng niệm các Vua Hùng	Thành phố Thủ Đức
2	Đền thờ Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh	Thành phố Thủ Đức
3	Trường Cao đẳng Văn hóa nghệ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	Quận 1
4	Rạp Thanh Vân	Quận 3
5	Rạp Thủ Đô	Quận 5
6	Cơ sở vật chất phòng ốc phù hợp với mô hình thư viện thông minh	Quận 1
7	Nhà trưng bày, khu truyền thống lực lượng vũ trang Thành phố Hồ Chí Minh	Quận 10
8	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp toàn bộ Nhà hát Bến Thành	Quận 1
9	Khu nhà tưởng niệm Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng - Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Nguyễn Thị Rành	Huyện Củ Chi
10	Tu bổ, tôn tạo Bảo tàng Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	Quận 1
11	Tu bổ, tôn tạo Bảo tàng Thành phố Hồ Chí Minh	Quận 1
12	Sửa chữa Tòa nhà tại địa chỉ 99 Pasteur phục vụ làm Trung tâm phát triển Công nghiệp văn hóa	Quận 1
*	***Thể thao***	
1	Nhà thi đấu Thể dục thể thao Phú Thọ	Quận 11
2	Câu lạc bộ bơi lặn Phú Thọ	Quận 11
3	Nhà tập luyện thể thao Phú Thọ	Quận 11
4	Khu thể dục thể thao Phú Thọ	Quận 11

STT	Tên cơ sở	Địa điểm
5	Sân vận động Thống Nhất	Quận 10
6	Sân vận động Hoa Lư	Quận 1
7	Trung tâm Thể dục thể thao Phan Đình Phùng	Quận 3
8	Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể dục thể thao thành phố	Quận 11
II	**Danh mục hạ tầng văn hóa, thể thao dự kiến xây mới, mở rộng**	
*	***Văn hóa***	
1	Trung tâm Nghệ thuật truyền thống Thành phố Hồ Chí Minh	Quận 11
2	Xây dựng mới Trung tâm Văn hóa Thành phố	Quận 1
3	Nhà hát Giao hưởng, Nhạc - Vũ kịch (Nhà hát Ngôi sao Thành phố)	Thành phố Thủ Đức
4	Trung tâm Biểu diễn nghệ thuật đa năng tại Thủ Thiêm	Thành phố Thủ Đức
5	Cung thiếu nhi Thành phố	Thành phố Thủ Đức
6	Xây dựng Trung tâm văn hóa - nghệ thuật Thành phố Hồ Chí Minh tại Thủ Thiêm	Thành phố Thủ Đức
7	Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Thành phố Hồ Chí Minh, cơ sở 2	Thành phố Thủ Đức
8	Tượng đài Thống Nhất	Thành phố Thủ Đức
9	Tượng đài Nam Bộ kháng chiến	Quận 1
10	Trung tâm sinh hoạt thanh thiếu niên Thành phố tại huyện Cần Giờ	Huyện Cần Giờ

STT	Tên cơ sở	Địa điểm
11	Công viên Bảo tàng Hồ Chí Minh - chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Quận 4
12	Dự án xây dựng mới Nhà hát Gia Định	Bình Thạnh
13	Nhà Văn hóa Phụ nữ Thành phố - Cơ sở 1	Quận 3
14	Nhà Văn hóa Thanh niên	Quận 1
15	Rạp Kim Châu	Quận 1
16	Rạp Lệ Thanh A	Quận 5
17	Rạp Lệ Thanh B	Quận 5
18	Rạp Nhân dân	Quận 5
19	Xây dựng mới Trung tâm Biểu diễn Nghệ thuật Lao động A-B	Quận 5
*	**Thể thao**	
20	Các sân gôn phù hợp với phương án phát triển kết cấu hạ tầng văn hóa, thể thao, du lịch	Thành phố Hồ Chí Minh

IV. DANH MỤC CÁC KHU DU LỊCH

STT	Tên khu	Địa điểm
1	Khu du lịch Cần Giờ (hướng tới khu du lịch Quốc gia)	Cần Giờ
2	Khu đô thị Bình Quới - Thanh Đa	Bình Thạnh
3	Khu du lịch "Một thoáng Việt Nam"	Củ Chi
4	Công viên Văn hóa Đầm Sen	Quận 11
5	Khu di tích lịch sử Địa đạo Củ Chi	Củ Chi
6	Khu Công viên lịch sử - văn hóa dân tộc, công viên chuyên đề, du lịch sinh thái, tôn giáo	Thành phố Thủ Đức
7	Thảo Cầm viên Sài Gòn	Quận 1

STT	Tên khu	Địa điểm
8	Khu vui chơi giải trí đa chức năng ven Sông Sài Gòn và Sông Nhà Bè	Các quận huyện tiếp giáp sông Sài Gòn và sông Nhà Bè
9	Khu liên hợp thể dục thể thao quốc gia Rạch Chiếc	Thành phố Thủ Đức
10	Khu đô thị du lịch lấn biển Cần Giờ	Cần Giờ
11	Khu công viên chuyên đề tại huyện Củ Chi	Củ Chi
12	Khu du lịch Văn Thánh	Bình Thạnh
13	Công viên du lịch văn hóa Suối Tiên	Thành phố Thủ Đức
14	Làng du lịch Bình Quới (bao gồm Khu du lịch Bình Quới 1,2,3)	Bình Thạnh

Ghi chú: *tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập dự án đầu tư theo quy định. Các dự án, công trình khác ngoài danh mục trên căn cứ vào Quy hoạch chung đô thị, quy hoạch xây dựng vùng huyện.*

Phụ lục XXIII
DANH MỤC HẠ TẦNG THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1711/QĐ-TTg
ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

I. TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ CẤP VÙNG, THÀNH PHỐ

STT	Tên	Địa điểm
1	Trung tâm tài chính quốc tế Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Thủ Đức
2	Trung tâm mua sắm hiện đại ngang tầm khu vực	Thành phố Thủ Đức
3	Trung tâm hội chợ triển lãm, hội nghị	Thành phố Thủ Đức, Quận 12, Huyện Bình Chánh, Huyện Cần Giờ, Huyện Nhà Bè
4	Trung tâm logistics, khu phi thuế quan	Huyện Cần Giờ
5	Khu thương mại tự do (Nghiên cứu báo cáo cấp có thẩm quyền cho phép thành lập khi đáp ứng đủ điều kiện)	Huyện Cần Giờ
6	Trung tâm thủy sản Thành phố	Huyện Cần Giờ
7	Trung tâm thời trang Thành phố Hồ Chí Minh	Huyện Nhà Bè, Huyện Bình Chánh, Huyện Cần Giờ, Thành phố Thủ Đức

II. DANH MỤC CHỢ HẠNG 1

STT	Tên chợ hạng 1	Địa điểm
1	Chợ đầu mối Thủ Đức	141 Quốc lộ 1A, phường Tam Bình, thành phố Thủ Đức

STT	Tên chợ hạng 1	Địa điểm
2	Chợ Bến Thành	Vòng xoay Quách Thị Trang - Lê Thánh Tôn - Phan Bội Châu - Phan Chu Trinh, phường Bến Thành, Quận 1
3	Chợ Tân Định	Hai Bà Trưng, phường Tân Định, Quận 1
4	Chợ Dân Sinh	Yersin, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1
5	Chợ Thái Bình	Cống Quỳnh - Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1
6	Chợ Hòa Bình	Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, Quận 5
7	Chợ An Đông	An Dương Vương, phường 9, Quận 5
8	Chợ Kim Biên	Vạn Tượng, phường 13, Quận 5
9	Chợ Đồng Khánh	Trần Hưng Đạo, phường 14, Quận 5
10	Chợ Bình Tây	57A Tháp Mười, phường 2, Quận 6
11	Chợ đầu mối Bình Điền	Đại lộ Nguyễn Văn Linh, Khu phố 6, Phường 7, Quận 8
12	Chợ Bà Chiểu	24 Diên Hồng, phường 1, Quận Bình Thạnh
13	Chợ Phạm Văn Hai	Phạm Văn Hai, phường 3, Quận Tân Bình
14	Chợ Tân Bình	Lý Thường Kiệt, phường 8, Quận Tân Bình
15	Chợ Hoàng Hoa Thám	Hoàng Hoa Thám, phường 13, Quận Tân Bình
16	Chợ Bàu Cát	Nguyễn Hồng Đào, phường 14, Quận Tân Bình
17	Chợ đầu mối Hóc Môn	14/7A Nguyễn Thị Sóc, ấp Mỹ Hòa 4, xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn

III. DANH MỤC CHỢ XÂY MỚI

Đầu tư xây dựng mới một số chợ tại thành phố Thủ Đức, Quận 4, Quận 12, Quận Bình Thạnh, huyện Bình Chánh, huyện Cần Giờ, huyện Củ Chi, và chợ đầu mối thứ 4 của Thành phố tại huyện Hóc Môn.

IV. CÁC CHỢ GIẢI TỎA, DI DỜI, CHUYỂN ĐỔI CÔNG NĂNG

Các chợ giải tỏa, di dời, chuyển đổi công năng trên địa bàn thành phố được phê duyệt bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Ghi chú: *tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập dự án đầu tư theo quy định. Các dự án, công trình khác ngoài danh mục trên căn cứ vào Quy hoạch chung đô thị, quy hoạch xây dựng vùng huyện.*

Phụ lục XXIV
DANH MỤC DỰ ÁN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1711/QĐ-TTg
ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Danh mục dự án	Địa điểm
1	Viện công nghệ tiên tiến và đổi mới sáng tạo Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Thủ Đức
2	Trung tâm nghiên cứu triển khai khu công nghệ cao	Thành phố Thủ Đức
3	Trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Thành phố Hồ Chí Minh	Quận 3

Ghi chú: *tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập dự án đầu tư theo quy định. Các dự án, công trình khác ngoài danh mục trên căn cứ vào Quy hoạch chung đô thị, quy hoạch xây dựng vùng huyện.*

Phụ lục XXV

CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1711/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 được phân bổ theo Quyết định số 326/QĐ-TTg	Nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030 của Thành phố	
				Tổng diện tích	Trong đó: diện tích khu đô thị lấn biển Cần Giờ
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
	Tổng diện tích tự nhiên		**209.539**	**212.228**	**2.689**
I	**LOẠI ĐẤT**				
1	**Đất nông nghiệp**	**NNP**	**89.612**	**86.012**	
	Trong đó:				
1.1	Đất trồng lúa	LUA	4.105	3.500	
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	*LUC*	*4.105*	*3.500*	
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN		22.056	
1.3	Đất rừng phòng hộ	RPH	34.520	34.087	
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	209	209	
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	792	792	
	Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	277	277	
2	**Đất phi nông nghiệp**	**PNN**	**119.618**	**129.907**	**2.870**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 được phân bổ theo Quyết định số 326/QĐ-TTg	Nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030 của Thành phố	
				Tổng diện tích	Trong đó: diện tích khu đô thị lấn biển Cần Giờ
	Trong đó:				
2.1	Đất quốc phòng	CQP	3.267	3.267	
2.2	Đất an ninh	CAN	369	616	
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	5.918	6.036	
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN		421	
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD		3.775	280
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC		5.001	1
2.7	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh	DHT	30.503	32.673	835
	Trong đó:			-	
2.7.1	*Đất giao thông*	*DGT*	18.040	19.774	481
2.7.2	*Đất thuỷ lợi*	*DTL*		3.326	6
2.7.3	*Đất xây dựng cơ sở văn hóa*	*DVH*	1.252	1.284	32
2.7.4	*Đất xây dựng cơ sở y tế*	*DYT*	665	677	12
2.7.5	*Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo*	*DGD*	5.301	5.387	86
2.7.6	*Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao*	*DTT*	1.031	1.324	211

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 được phân bổ theo Quyết định số 326/QĐ-TTg	Nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030 của Thành phố	
				Tổng diện tích	Trong đó: diện tích khu đô thị lấn biển Cần Giờ
2.7.7	*Đất công trình năng lượng*	*DNL*	300	562	2
2.7.8	*Đất công trình bưu chính, viễn thông*	*DBV*	92	92	
2.8	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	4	4	
2.9	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	205	183	
2.10	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	1.068	1.544	
2.11	Đất cơ sở tôn giáo	TON		434	
2.12	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD		1.163	
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT		5361	
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT		31.305	534
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC		335	
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS		77	5
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		10	

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 được phân bổ theo Quyết định số 326/QĐ-TTg	Nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030 của Thành phố	
				Tổng diện tích	Trong đó: diện tích khu đô thị lấn biển Cần Giờ
3	**Đất chưa sử dụng**	**CSD**	**309**	**309**	
3.1	Đất chưa sử dụng còn lại		309	309	
3.2	Diện tích đưa vào sử dụng		722	722	
II	**KHU CHỨC NĂNG**			**-**	
1	Đất khu công nghệ cao	KCN	913	1.331	
2	Đất đô thị	KDT	98.747	156.312	2.870
3	Khu sản xuất nông nghiệp	KNN		34.781	
4	Khu lâm nghiệp	KLN		35.136	
5	Khu du lịch	KDL		37.773	973
6	Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	KBT		33.742	
7	Khu phát triển công nghiệp	KPC		6.457	
8	Khu đô thị	DTC		20.009	2.870
9	Khu thương mại - dịch vụ	KTM		3.655	
10	Khu dân cư nông thôn	DNT		13.216	

Ghi chú:

- Mã loại đất thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai; vị trí, quy mô, hình thái khu đất sẽ được cụ thể hóa trong quy hoạch chuyên ngành về sử dụng đất cấp huyện và quy hoạch chuyên ngành xây dựng đô thị, nông thôn;

- Việc triển khai các dự án sau khi Quy hoạch Thành phố Hồ Chí Minh được phê duyệt phải bảo đảm phù hợp với chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất 2021 - 2030 và kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025 đã phân bổ theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và các Quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền;

- Diện tích đất quốc phòng đến năm 2030 thực hiện theo Quy hoạch sử dụng đất quốc phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; trong quá trình triển khai thực hiện, chỉ tiêu đất quốc phòng được điều chỉnh phù hợp với quy hoạch sử dụng đất quốc phòng;

- Diện tích đất an ninh đến năm 2030 thực hiện theo Quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; trong quá trình triển khai thực hiện, chỉ tiêu đất an ninh được điều chỉnh phù hợp với quy hoạch sử dụng đất an ninh;

- Diện tích khu chức năng không cộng tổng khi tính diện tích tự nhiên.

Phụ lục XXVI

DANH MỤC CÁC KHU VỰC THUỘC VÙNG BẢO VỆ NGHIÊM NGẶT, VÙNG HẠN CHẾ PHÁT THẢI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1711/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên vùng	Ký hiệu	Phạm vi	Quy mô (ha)
I	**Vùng bảo vệ nghiêm ngặt**	A		
1	Khu vực đô thị trung tâm (loại đặc biệt)	A1	16 quận	28.242
2	Nội thành đô thị loại I (Thành phố Thủ Đức)	A2	Thành phố Thủ Đức	21.157
3	Nội thị các đô thị vệ tinh (loại III)	A3	Củ Chi, Hóc Môn, Bình Chánh, Nhà Bè và Cần Giờ	160.140
4	Nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước	A4	Nguồn nước của Hệ thống sông Đồng Nai và sông Sài Gòn (tại các khu vực của nhà máy nước BOO Thủ Đức, nhà máy nước Thủ Đức (giai đoạn III), nhà máy nước Tân Hiệp giai đoạn I và giai đoạn II, nhà máy nước kênh Đông.	-
5	Khu bảo tồn thiên nhiên theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, lâm nghiệp và thủy sản	A5	Vùng lõi của khu dự trữ sinh quyển thế giới rừng ngập mặn Cần Giờ; khu bảo tồn biển Cần Giờ (hình thành tương lai).	7.000

TT	Tên vùng	Ký hiệu	Phạm vi	Quy mô (ha)
6	Các khu vực bảo vệ I của di tích lịch sử văn hóa được cấp có thẩm quyền xếp hạng	A6	188 di tích lịch sử văn hóa; các khu vực cần bảo vệ: Địa đạo Bến Dược, Địa đạo Bến Đình và các khu vực khác theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.	-
II	**Vùng hạn chế phát thải**	B		
1	Vùng đệm của các khu bảo tồn thiên nhiên theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, lâm nghiệp và thủy sản	B1	Vùng đệm của các khu bảo tồn thiên nhiên theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, lâm nghiệp và thủy sản: Vùng đệm của khu dự trữ sinh quyển rừng ngập mặn Cần Giờ; khu bảo tồn biển Cần Giờ hình thành tương lai).	-
2	Hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước	B2	Hành lang bảo vệ nguồn nước mặt: sông Đồng Nai và sông Sài Gòn theo quy định.	-
3	Khu vui chơi giải trí dưới nước theo quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh	B3	Công viên Văn hóa Đầm Sen, quận 11; Công viên du lịch văn hóa Suối Tiên, Thành phố Thủ Đức.	200

TT	Tên vùng	Ký hiệu	Phạm vi	Quy mô (ha)
4	Các khu vực bảo vệ II của di tích lịch sử văn hóa được cấp có thẩm quyền xếp hạng	B4	Vùng bao quanh hoặc tiếp giáp khu vực bảo vệ I của các di tích lịch sử văn hóa theo quy định của Luật Di sản văn hóa (188 di tích lịch sử văn hóa)	-

Ghi chú: *Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm ban hành quyết định về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn quản lý đã được xác định trong quy hoạch Thành phố theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.*

Phụ lục XXVII
DANH MỤC CÁC KHU BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1711/QĐ-TTg
ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên khu bảo tồn cấp Thành phố	Phân loại	Vị trí	Quy mô dự kiến (ha)
1	Vùng lõi của Khu dự trữ sinh quyển thế giới rừng ngập mặn Cần Giờ	Khu dự trữ sinh quyển thế giới được UNESCO công nhận	Huyện Cần Giờ	7.000
2	Rừng ngập mặn Cần Giờ	Hành lang đa dạng sinh học: rừng ngập mặn có tính đa dạng sinh học cao; kết nối với các Khu bảo tồn: Lung Ngọc Hoàng, Tràm Chim, Vườn quốc gia Phú Quốc, Vườn quốc gia Côn Đảo, Vườn quốc gia Mũi Cà Mau	Huyện Cần Giờ	40.000
3	Trạm cứu hộ động vật hoang dã	Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học; loại hình: cứu hộ	Huyện Củ Chi	0,4
4	Vườn Thực vật Thành phố Hồ Chí Minh	Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học; loại hình: vườn Thực vật	Huyện Củ Chi	161

Phụ lục XXVIII
DANH MỤC NGHĨA TRANG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1711/QĐ-TTg
ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên dự án	Địa điểm	Hiện trạng (ha)	Tính chất, quy mô dự kiến đề xuất (ha)
A. Nghĩa trang cấp vùng				
1	Nghĩa trang An viên Vĩnh Hằng	Tỉnh Đồng Nai	212ha	212ha - Táng tổng hợp, phục vụ nhu cầu an táng của nhân dân và vùng lân cận
2	Hoa viên nghĩa trang Bình Dương	Tỉnh Bình Dương	200ha	200ha - Táng tổng hợp, phục vụ nhu cầu an táng của nhân dân và vùng lân cận
3	Sơn trang tiên cảnh Tây Ninh	Tỉnh Tây Ninh	75ha	75ha - Táng tổng hợp, phục vụ nhu cầu an táng của nhân dân và vùng lân cận
B. Nghĩa trang thành phố/huyện				
1	Mở rộng, nghĩa trang chính sách Thành phố	Huyện Củ Chi	121,8ha	153,6ha - Táng tổng hợp, phục vụ nhu cầu an táng của nhân dân khu vực đô thị trung tâm và các huyện khi có nhu cầu
2	Mở rộng, nâng cấp nghĩa trang Đa Phước	Huyện Bình Chánh	19,54ha	67,5ha - Táng tổng hợp, phục vụ nhu cầu an táng của nhân dân khu vực đô thị trung tâm và các huyện khi có nhu cầu

STT	Tên dự án	Địa điểm	Hiện trạng (ha)	Tính chất, quy mô dự kiến đề xuất (ha)
3	Mở rộng, nâng cấp nghĩa trang Đông Thạnh	Huyện Hóc Môn	7,8ha	10ha - Lưu tro cốt, cát táng
4	Mở rộng, nâng cấp nghĩa trang Nhơn Đức	Huyện Nhà Bè	5,55ha	51,27ha - Táng tổng hợp, phục vụ nhu cầu an táng của nhân dân khu vực đô thị trung tâm và các huyện khi có nhu cầu
5	Công viên nghĩa trang Phúc An Viên	Thành phố Thủ Đức	18,6ha	18,6ha - Lưu tro cốt, cát táng
6	Nghĩa trang thành phố Thủ Đức	Thành phố Thủ Đức	11,29ha	11,29ha - Lưu tro cốt, cát táng
7	Nghĩa trang liệt sỹ huyện Củ Chi	Huyện Củ Chi	9,45ha	9,45ha - Lưu tro cốt, cát táng
8	Mở rộng, nghĩa trang xã Nhơn Tây, xã An Phú	Huyện Củ Chi	3,85ha	60,6ha - Táng tổng hợp, phục vụ nhu cầu an táng của nhân dân khu vực đô thị trung tâm và các huyện khi có nhu cầu
9	Mở rộng, nâng cấp nghĩa trang Bình Khánh	Huyện Cần Giờ	3,01ha	30ha - Táng tổng hợp, phục vụ nhu cầu an táng của nhân dân khu vực đô thị trung tâm và các huyện khi có nhu cầu
10	Mở rộng, nâng cấp nghĩa trang Long Hòa	Huyện Cần Giờ	0,84ha	5,3ha - Lưu tro cốt, cát táng, phục vụ nhu cầu an táng của nhân dân khu vực đô thị trung tâm và các huyện khi có nhu cầu

Ghi chú:

- Tên, ranh giới và diện tích cụ thể và khoảng cách an toàn môi trường (quy mô vùng cách ly) của các khu nghĩa trang được tính toán, rà soát, xác định trong quá trình lập quy hoạch chung đô thị, quy hoạch xây dựng vùng huyện, lập dự án đầu tư theo quy định;

- Các nghĩa trang cấp huyện, nhà tang lễ sẽ xác định trong quá trình lập quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng.

Phụ lục XXIX

DANH MỤC CÁC KHU VỰC THĂM DÒ, KHAI THÁC VÀ DỰ TRỮ KHOÁNG SẢN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1711/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Loại khoáng sản	Tổng số các khu vực quy hoạch	Tổng diện tích (ha)	Tổng trữ lượng tài nguyên dự báo	Phương án thăm dò, khai thác
A	**Khu vực hoạt động khoáng sản**				
1	Cát san lấp	13	1.644,77	40.000.000 (m^3)	Khu vực hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản
2	Khu vực vùng biển Cần Giờ (ngoài khu vực 13 mỏ cát san lấp ở trên): khu vực chưa thực hiện khảo sát, thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản tính từ đường ranh giới ngoài của vùng biển 6 hải lý đến đất liền của huyện Cần Giờ.				
B	**Khu vực dự trữ khoáng sản**				
1	Sét gạch ngói	19	1.827,69	46.785.000 (m^3)	Khu vực dự trữ khoáng sản
2	Laterit	7	342,7	4.957.541 (m^3)	Khu vực dự trữ khoáng sản
3	Cuội sỏi	2	118,07	8.710.769 (m^3)	Khu vực dự trữ khoáng sản
4	Cát xây dựng	22	737,12	21.725.040 (m^3)	Khu vực dự trữ khoáng sản
5	Cát san lấp	1	42,4	670.000 (m^3)	Khu vực dự trữ khoáng sản
6	Than bùn	5	106,78	1.243.306 (tấn)	Khu vực dự trữ khoáng sản

Ghi chú: *trong quá trình thực hiện Quy hoạch, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh rà soát, xác định và điều chỉnh theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh số lượng, ranh giới, công suất, lộ trình khai thác, mục tiêu sử dụng (nếu cần) bảo đảm phù hợp với thực tiễn của địa phương và các quy định hiện hành.*

Phụ lục XXX
DANH MỤC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1711/QĐ-TTg
ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Dự án ưu tiên đầu tư
I	**KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG**
I.1	**Đường bộ**
I.1.1	**Đường bộ cao tốc và đường dẫn cao tốc**
1	Xây dựng đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài
2	Mở rộng đường nối cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây (đoạn tuyến từ nút giao An Phú đến đường Vành Đai 2)
3	Xây dựng đường nối từ nút giao Gò Dưa đến cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Chơn Thành, đoạn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh
4	Mở rộng đường nối cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương (đoạn tuyến Bình Thuận - Chợ Đệm, Tân Tạo - Chợ Đệm)
I.1.2	**Đường Vành đai đô thị**
1	Vành đai 2 (đoạn từ cầu Phú Hữu đến Phạm Văn Đồng và đoạn từ Quốc lộ 1 đến đường Nguyễn Văn Linh)
2	Nâng cấp, mở rộng đường Võ Chí Công đoạn từ nút giao Mỹ Thủy tới cầu Phú Hữu
3	Vành đai 3 (đoạn trên địa bàn Thành phố)
4	Vành đai 4 (đoạn trên địa bàn Thành phố)
I.1.3	**Quốc lộ**
1	Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 22 (đoạn nút giao An Sương - Vành đai 3)
2	Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 13 (đoạn cầu Bình Triệu - Ranh giới tỉnh Bình Dương)

STT	Dự án ưu tiên đầu tư
3	Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1 (đoạn từ đường Kinh Dương Vương - Ranh giới tỉnh Long An)
4	Xây dựng Quốc Lộ 50B (từ đường Phạm Hùng đến ranh tỉnh Long An)
I.1.4	**Đường kết nối vùng**
1	Đường ven biển
2	Đường mở mới phía Tây Bắc
3	Trục đường Đông Tây (đường Võ Văn Kiệt) nối dài từ Quốc lộ 1 đến Ranh giới tỉnh Long An
I.1.5	**Một số đường trục chính đô thị**
1	Đầu tư nhánh nối đường Võ Nguyên Giáp đến Nút giao Gò Công trên Vành đai 3
2	Đường ven sông Sài Gòn
3	Nâng cấp trục đường Trường Chinh - Cộng Hòa (từ Ngã 4 An Sương đến khu vực sân bay)
4	Xây dựng trục đường vòng cung Tây Bắc (từ đường Lê Văn Khương - đường Tô Ký - Quốc lộ 22)
5	Xây dựng đường song hành Phan Văn Hớn (từ Quốc Lộ 1 đến đường Vành Đai 3)
6	Mở rộng đường Nguyễn Văn Bứa (đoạn từ Ngã Ba Giồng - cầu TL9) và xây dựng cầu Lớn
7	Nâng cấp, mở rộng đường Đinh Bộ Lĩnh (đoạn từ đường Điện Biên Phủ đến nút giao Phạm Văn Đồng)
8	Nâng cấp, mở rộng đường Xô Viết Nghệ Tĩnh (đoạn từ nút giao Hàng Xanh đến cầu Bình Triệu 1)
9	Xây dựng cầu đường Bình Tiên

STT	Dự án ưu tiên đầu tư
10	Nâng cấp đường trục Bắc - Nam (đoạn Nguyễn Văn Linh - cao tốc Bến Lức - Long Thành)
11	Nâng cấp, mở rộng đường Lê Đức Thọ (đoạn từ đường Lê Văn Thọ đến đường Nguyễn Oanh)
12	Nâng cấp, mở rộng đường Tô Ký (từ đường Đông Bắc - Ngã Ba Bầu)
13	Nâng cấp, sửa chữa đường Tỉnh lộ 9 (Hà Duy Phiên)
14	Xây dựng hầm chui đường Tôn Đức Thắng, đường ven sông Sài Gòn, kè bảo bờ sông (đoạn từ cầu Khánh Hội đến cầu Ba Son)
15	Nâng cấp, mở rộng đường Phan Anh (từ đường Hòa Bình đến đường Bà Hom)
I.1.6	**Nút giao thông, cầu lớn**
1	Cầu Cần Giờ
2	Cầu Thủ Thiêm 4
3	Cầu Đồng Nai 2
4	Cầu Phú Mỹ 2
5	Xây dựng hoàn thiện nút giao thông Nguyễn Văn Linh - Nguyễn Hữu Thọ và cầu Rạch Đỉa (giai đoạn 3)
I.1.7	**Đường kết nối cảng biển**
1	Đường liên cảng Cát Lái - Phú Hữu đến Vành đai 3
2	Trục kết nối mới (ven biển) phía Nam từ Tiền Giang qua Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh đến Bà Rịa Vũng Tàu - Đồng Nai (CT.01)
3	Nâng cấp, mở rộng đường Rừng Sác và các cầu trên tuyến
I.2	**Đường sắt quốc gia**
1	Tuyến đường sắt Thủ Thiêm - Long Thành

STT	Dự án ưu tiên đầu tư
2	Tuyến đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam (đoạn Nha Trang - Thành phố Hồ Chí Minh)
3	Tuyến đường sắt Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ
I.3	**Đường sắt đô thị**
1	Đường sắt đô thị số 1
2	Đường sắt đô thị số 2
3	Đầu tư xây dựng công trình kết nối đồng bộ tuyến đường sắt đô thị số 1 và số 2 tại khu vực nhà ga Bến Thành
4	Đường sắt đô thị số 3
5	Đường sắt đô thị số 4
6	Đường sắt đô thị số 5
7	Đường sắt đô thị số 6
8	Đường sắt đô thị số 7
I.4	**Đường thủy**
1	Cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ
2	Cụm cảng trung chuyển - ICD Long Bình
3	Cảng hành khách quốc tế Nhà Rồng - Khánh Hội
4	Cảng hành khách quốc tế Phú Thuận
I.5	**Bến bãi giao thông tĩnh**
1	Bến xe Miền Tây mới
2	Bến xe Miền Đông
3	Xây dựng các trạm sạc điện cho phương tiện sử dụng năng lượng điện tại các bến xe

STT	Dự án ưu tiên đầu tư
II	**KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, CÔNG NGHỆ CAO - CÔNG NGHIỆP - NĂNG LƯỢNG**
II.1	**KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, CÔNG NGHỆ CAO**
1	Trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Thành phố Hồ Chí Minh tại Quận 3
2	Dự án Trung tâm dữ liệu (Data Center)
3	Khu công viên khoa học và công nghệ tại thành phố Thủ Đức
4	Viện Công nghệ tiên tiến và đổi mới sáng tạo Thành phố Hồ Chí Minh tại Thành phố Thủ Đức
II.2	**KHU CÔNG NGHIỆP**
1	KCN Phạm Văn Hai I
2	KCN Phạm Văn Hai II
3	KCN An Phú
II.3	**CỤM CÔNG NGHIỆP**
1	Cụm Láng Le - Bàu Cò
2	Cụm Quy Đức
3	Cụm Dương Công Khi
4	Cụm Xuân Thới Sơn B
II.4	**NĂNG LƯỢNG**
1	Nhà máy điện LNG Hiệp Phước
2	Hạ tầng truyền tải điện quốc gia 500kV (Trạm biến áp 500kV, đường dây 500kV)
3	Hạ tầng truyền tải điện 220kV, 110kV (Trạm biến áp 220kV, đường dây 220kV; Trạm biến áp 110kV, đường dây 110kV)

STT	Dự án ưu tiên đầu tư
II.5	**THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**
1	Các khu công nghệ thông tin tập trung
2	Trung tâm bưu chính Quốc gia (Mega Hub)
3	Trung tâm vùng mạng bưu chính KT1 miền Nam
II.6	**KHU CÔNG NGHỆ KHÁC**
	Trung tâm Công nghệ sinh học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
III	**PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ**
1	Hoàn thiện khu đô thị Thủ Thiêm, thành phố Thủ Đức
2	Khu đô thị Bình Quới - Thanh Đa
3	Khu đô thị Trường Thọ, thành phố Thủ Đức
4	Khu đô thị cảng Hiệp Phước, huyện Nhà Bè
5	Khu đô thị du lịch lấn biển Cần Giờ, huyện Cần Giờ
6	Khu đại học Hưng Long
IV	**DỊCH VỤ, THƯƠNG MẠI**
1	Trung tâm tài chính quốc tế Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh
2	Trung tâm hội chợ triển lãm, hội nghị
3	Trung tâm logistics, khu phi thuế quan tại huyện Cần Giờ
4	Khu thương mại tự do
5	Trung tâm mua sắm hiện đại ngang tầm khu vực tại thành phố Thủ Đức
6	Chợ đầu mối thứ tư tại huyện Hóc Môn
7	Trung tâm triển lãm siêu trường, siêu trọng, huyện Nhà Bè
V	**LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP**
1	Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao xã Phạm Văn Cội, huyện Củ Chi

STT	Dự án ưu tiên đầu tư
2	Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao xã Phú Mỹ Hưng, huyện Củ Chi
VI	**LĨNH VỰC THỦY LỢI, PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI, ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**
1	Dự án Giải quyết ngập do triều khu vực Thành phố Hồ Chí Minh có xét đến biến đổi khí hậu - giai đoạn 1
2	Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng Rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật)
3	Cải tạo, nâng cấp rạch Cầu Sa (giai đoạn 3)
VII	**VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**
VII.1	**VĂN HÓA, THỂ THAO**
1	Khu phức hợp Trung tâm văn hóa nghệ thuật đa năng
2	Khu liên hợp Thể dục thể thao quốc gia Rạch Chiếc
3	Nhà hát Giao hưởng Nhạc và vũ kịch (Nhà hát Ngôi sao Thành phố)
4	Rạp xiếc và biểu diễn đa năng Phú Thọ
5	Xây dựng nhà Văn hóa Thanh niên
6	Xây dựng cung thiếu nhi Thành phố
7	Nhà trưng bày, khu truyền thống lực lượng vũ trang Thành phố Hồ Chí Minh
8	Xây dựng Trung tâm biểu diễn nghệ thuật đa năng
9	Trung tâm văn hóa Thành phố
10	Xây dựng Bảo tàng Thành phố Hồ Chí Minh
11	Trung tâm Thể dục thể thao Phan Đình Phùng
12	Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh

STT	Dự án ưu tiên đầu tư
13	Trung tâm đào tạo Vận động viên năng khiếu thuộc Trung tâm Thể dục thể thao Hoa Lư
14	Trung tâm Văn hóa - Thể thao đa năng Thành phố (Cần Thạnh - Cần Giờ)
15	Xây dựng mới Trung tâm Biểu diễn Nghệ thuật Lao động A-B
16	Xây dựng mới Nhà hát Gia Định
VII.2	**DU LỊCH**
	Khu công viên chuyên đề tại huyện Củ Chi
VIII	**Y TẾ**
1	Xây dựng Bệnh viện Tâm Thần cơ sở 2
2	Xây dựng Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình
3	Xây dựng Bệnh viện Chấn thương cơ sở 1
4	Xây dựng mới khu điều trị nội trú Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới
5	Xây dựng Trung tâm tầm soát và phát hiện bệnh sớm bằng công nghệ cao (Cụm y tế Trung Tâm)
6	Xây dựng khối khoa khám bệnh của Bệnh viện Nhiệt đới
7	Xây dựng Bệnh viện Đa khoa thực hành 500 giường thuộc Đại học y khoa Phạm Ngọc Thạch (giai đoạn 1)
8	Đầu tư xây dựng Khu Công nghiệp chuyên ngành Y - Dược của Thành phố Hồ Chí Minh
9	Xây dựng Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố (CDC)
10	Trung tâm Cấp cứu 115 cơ sở 2
11	Đầu tư nâng cấp Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm nhằm nâng cao năng lực kiểm nghiệm thực phẩm
IX	**GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO**
1	Xây dựng trường Trung học phổ thông Đông Hưng Thuận

STT	Dự án ưu tiên đầu tư
2	Trường THPT quận Gò Vấp
3	Xây dựng mới và cải tạo Trường Trung học phổ thông Nguyễn Thượng Hiền
4	Xây dựng trường Trung học phổ thông trong khu tái định cư 38ha
5	Xây dựng mở rộng trường Trung học phổ thông Võ Văn Kiệt
6	Xây dựng mới Trường Trung học phổ thông Bình Trị Đông B
7	Xây dựng mới trường Trung học phổ thông Long Thạnh Mỹ
8	Xây dựng mới Trường Trung học phổ thông chất lượng cao Cát Lái
9	Đầu tư trang thiết bị dạy nghề giai đoạn 2021-2025 của Trường Trung cấp nghề Củ Chi
10	Đầu tư phát triển trường nghề chất lượng cao giai đoạn 2021-2025 của trường Cao đẳng Nghề Thành phố Hồ Chí Minh
11	Mua sắm trang thiết bị của trường Cao đẳng Kỹ thuật Nguyễn Trường Tộ giai đoạn 2026-2030
12	Khu nghiên cứu phát triển đào tạo và vườn ươm
X	**LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**
1	Xây mới Trung tâm Hỗ trợ Xã hội
2	Nâng cấp, xây dựng mới Cơ sở tư vấn và cai nghiện ma túy Bình Triệu
3	Xây dựng mới Cơ sở cai nghiện ma túy Bố Lá
4	Xây mới Trung tâm Điều dưỡng người bệnh tâm thần
XI	**LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG**
XI.1	**BẢO TỒN MÔI TRƯỜNG VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC**
1	Phát triển và làm giàu chất lượng Rừng ngập mặn Cần Giờ

STT	Dự án ưu tiên đầu tư
2	Điều tra, đánh giá và thành lập mới các Khu bảo tồn thiên nhiên, hành lang Đa dạng sinh học, khu vực Đa dạng sinh học cao, cảnh quan thiên nhiên quan trọng, vùng đất ngập nước quan trọng
3	Hoàn thiện nâng cấp mạng lưới và tăng cường năng lực quản lý quan trắc môi trường Thành phố Hồ Chí Minh
XI.2	**QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN**
1	Các nhà máy xử lý rác trong Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Tây Bắc, huyện Củ Chi
2	Các nhà máy xử lý rác trong Khu liên hợp xử lý chất thải rắn và nghĩa trang Đa Phước, huyện Bình Chánh
3	Đầu tư các bãi chôn lấp hoạt động theo chế độ dự phòng để ứng phó sự cố, bảo đảm an ninh chất thải cho Thành phố
4	Các dự án xử lý chất thải rắn (sinh hoạt, công nghiệp, nguy hại, y tế, xây dựng, bùn thải, nước rỉ rác…) khác
5	Khu Công nghệ Môi trường xanh
6	Dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt huyện Cần Giờ
7	Nhà máy xử lý chất thải rắn và thu hồi năng lượng tại phường Long Bình, thành phố Thủ Đức
8	Nhà máy xử lý chất thải rắn và thu hồi năng lượng tại phường Linh Xuân, thành phố Thủ Đức
9	Các dự án trạm trung chuyển chất thải rắn
XI.3	**XỬ LÝ NƯỚC THẢI**
1	Xây dựng hệ thống thu gom và nhà máy xử lý nước thải Bắc Sài Gòn I
2	Xây dựng hệ thống thu gom và nhà máy xử lý nước thải Suối Nhum
3	Xây dựng hệ thống thu gom và nhà máy xử lý nước thải Bắc Sài Gòn II
4	Xây dựng hệ thống thu gom và nhà máy xử lý nước thải Rạch Cầu Dừa

STT	Dự án ưu tiên đầu tư
5	Xây dựng hệ thống thu gom và nhà máy xử lý nước thải Nam Sài Gòn
6	Xây dựng hệ thống thu gom và nâng công suất nhà máy xử lý nước thải Bình Hưng Hòa để xử lý nước thải cho lưu vực Tây Sài Gòn và lưu vực Bình Tân
7	Xây dựng hệ thống thu gom và nhà máy xử lý nước thải Tân Hóa - Lò Gốm
8	Xây dựng hệ thống thu gom và nhà máy xử lý nước thải Tây Bắc Thành phố
XII	**HẠ TẦNG CẤP NƯỚC VÀ AN NINH NGUỒN NƯỚC**
1	Nghiên cứu và phát triển các công trình đảm bảo an ninh nguồn nước thô (bao gồm các hồ trữ nước thô, công trình thu và trạm bơm, các tuyến dẫn nước thô) cho các giai đoạn I đến năm 2030 (cho Hệ thống cấp nước Tân Hiệp) và giai đoạn II từ năm 2031 đến năm 2050 cho toàn bộ hệ thống cấp nước toàn Thành phố và khu vực lân cận.
2	Xây dựng, mở rộng, nâng công suất các nhà máy nước: nhà máy nước Thủ Đức IV; nhà máy nước Thủ Đức V; nhà máy nước Tân Hiệp 3; nhà máy nước Kênh Đông 2
3	Xây dựng, nâng cấp các hệ thống xử lý bùn cho các nhà máy nước: nhà máy Thủ Đức - Bình An hiện hữu; nhà máy Tân Hiệp hiện hữu; nhà máy nước Kênh Đông hiện hữu
4	Cải tạo, tái cấu trúc mạng lưới chuyển tải và phân phối - cấp nước an toàn trên mạng lưới bao gồm: các trạm bơm tăng áp đặt tại Tân Phú, tại Thảo Cầm Viên Sài Gòn, tại đường Nguyễn Văn Linh… ; các trạm tăng áp quy mô lớn khác; trạm bơm tăng áp tại các thuỷ đài hiện hữu; trạm bơm tăng áp tại các giếng khoan và trạm cấp nước ngầm hiện hữu và phát triển hoàn chỉnh hệ thống đường ống chuyển tải và mạng lưới phân phối tương ứng; phát triển mới các tuyến ống chuyển tải và mạng lưới phân phối phù hợp với các hoạt động phát triển kinh tế xã hội của Thành phố tại các khu vực động lực như huyện Cần Giờ, Bình Chánh, ...

Ghi chú:

- Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cam kết không hợp thức hóa các dự án sai phạm và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước Thủ tướng Chính phủ về quá trình lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương và quyết định đầu tư dự án thuộc Phụ lục này;

- Việc triển khai thực hiện các dự án nêu tại Phụ lục phải đảm bảo phù hợp với các quy hoạch có liên quan; đảm bảo thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo các quy định của pháp luật có liên quan;

- Về tên gọi, quy mô, diện tích sử dụng đất, nguồn vốn, tổng mức đầu tư của các dự án trong danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối vốn đầu tư của từng thời kỳ;

- Các dự án, công trình khác ngoài Danh mục trên căn cứ vào các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch ngành, quy hoạch chung, quy hoạch vùng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành của địa phương...được cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt.

Phụ lục XXXI

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ QUY HOẠCH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1711/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên bản đồ	Tỷ lệ
1	Sơ đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:50.000
2	Sơ đồ phương án tổ chức không gian và phân vùng chức năng Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:50.000
3	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:50.000
4	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:50.000
5	Sơ đồ, bản đồ phương án phân bổ và khoanh vùng các chỉ tiêu sử dụng đất Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:50.000
6	Sơ đồ, bản đồ phương án thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:50.000
7	Sơ đồ phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:50.000
8	Sơ đồ phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:50.000

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng